

Số: 2018 /VSDDTU-KHQ

V/v: Mời chào giá sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ các hoạt động xét nghiệm

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2023

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Phục vụ công tác mua sắm sinh phẩm, vật tư tiêu hao từ các nguồn ngân sách nhà nước cấp năm 2023

Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương có thực hiện lập kế hoạch mua sắm sinh phẩm, hoá chất, sinh phẩm, vật tư để thực hiện các nhiệm vụ Bộ Y tế giao từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2023.

Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương kính mời các đơn vị có năng lực, kinh nghiệm cung cấp báo giá các sinh phẩm, hoá chất, sinh phẩm, vật tư để phục vụ các hoạt động Bộ Y tế giao năm 2023 của Viện theo các nội dung sau:

1. Nội dung yêu cầu báo giá

1.1. Đối với nguồn vốn thực hiện các nhiệm vụ Bộ Y tế giao năm 2023

Phụ lục 1. Sinh phẩm hoá chất, vật tư xét nghiệm vi rút đại, đấu thầu theo danh mục, gồm 06 danh mục (chi tiết tại phụ lục 1 đính kèm).

Phụ lục 2. Sinh phẩm, hóa chất và vật tư phục vụ xét nghiệm dịch hạch và đánh hiệu năng lực diệt véc tơ truyền bệnh, thử kháng hóa chất đối với bọ chét, đấu thầu theo danh mục, gồm 9 danh mục (chi tiết tại phụ lục 2 đính kèm).

Phụ lục 3. Sinh phẩm, hóa chất vật tư giám sát chủ động, nghiên cứu phát hiện các dịch, bệnh truyền nhiễm, gồm 188 danh mục, chia 6 phần, đấu thầu theo phần (chi tiết tại phụ lục 3 đính kèm).

Phụ lục 4. Sinh phẩm, hóa chất, vật tư nhằm duy trì hệ thống chất lượng các phòng thí nghiệm, gồm 63 danh mục, chia thành 04 phần, đấu thầu theo phần (chi tiết tại phụ lục 4 đính kèm).

Phụ lục 5. Hóa chất, vật tư đảm bảo vận hành an toàn phòng thí nghiệm đạt an toàn sinh học cấp II, III và các phòng thí nghiệm của Viện, bao gồm 44 danh mục, chia 2 phần, đấu thầu theo phần (chi tiết tại phụ lục 5 đính kèm).

Phụ lục 6. Sinh phẩm, hóa chất, vật tư xét nghiệm phòng chống dịch đột xuất đấu thầu theo danh mục, gồm 13 danh mục (chi tiết tại phụ lục 6 đính kèm).

1.2. Đối với nguồn kinh phí thực hiện các chế độ chính sách chuyển thành nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2023.

Phụ lục 7. Sinh phẩm, hoá chất, vật tư xét nghiệm sốt xuất huyết, gồm 23 danh mục, đấu thầu theo danh mục (chi tiết tại phụ lục 7 đính kèm).

Phụ lục 8. Sinh phẩm, hoá chất, vật tư xét nghiệm HIV, gồm 14 danh mục, đấu thầu theo danh mục (chi tiết tại phụ lục 8 đính kèm).

2. Mục đích báo giá: cơ sở xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu

3. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phòng Kế hoạch Hợp tác quốc tế - Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương, Số điện thoại: 024.39716353, email: dauthaul@nihe.org.vn

4. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Hồ sơ xin gửi qua đường văn thư về Viện theo thông tin sau: Phòng Kế hoạch-Hợp tác quốc tế, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương, số 1 Yecxanh, Hai Bà Trưng, Hà Nội, SĐT: 024.39716353.

- Hồ sơ báo giá bản mềm xin gửi về địa chỉ email: dauthaul@nihe.org.vn

5. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày phát hành đến trước 17h ngày 22/10/2023.

6. Yêu cầu hồ sơ báo giá bao gồm các tài liệu sau:

- Thư chào giá đã bao gồm thuế GTGT.

- Khối lượng, chất lượng: nhà thầu đáp ứng đầy đủ khối lượng, số lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu trong phụ lục gửi kèm.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày ký ban hành

- Catalog, tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết của hàng hoá (nếu có).

Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương rất mong nhận được sự hợp tác của Quý đơn vị.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Website nihe.org.vn;
- Lưu HCVT, KHQT.

**PHÓ VIỆN TRƯỞNG
PHỤ TRÁCH QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH**



Dương Thị Hồng

Phần	STT	Tên hàng hóa	Thông tin môi chào giá				Thông tin chào giá									
			Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dư kiện)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá		
	4	Thuốc nhuộm DNA	<p>1. Mục đích: Nhuộm sợi DNA kép kích thước 50 bp - 20 kb</p> <p>2. Thành phần: TP gồm ba thuốc nhuộm AND: Bromophenol Blue, Xylene Cyanol FF và Orange G.</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: - 20°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Ông 1ml	1											
	5	Thang chuẩn DNA	<p>1. Mục đích: Thang chuẩn DNA 100bp dùng trong điện di</p> <p>2. Thành phần: 13 vạch có kích thước từ 100bp đến 2000bp</p> <p>- 100 µL 100 bp DNA Ladder, 0.5 µg/µL</p> <p>- 1 mL 10X Bluejuice Gel Loading Buffer</p> <p>3. Bảo quản: -20°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: > 6 tháng</p>	Ông 50 µg	1											
	6	Sinh phẩm giải trình tự gen mao quản	<p>1. Mục đích: Sinh phẩm chạy điện di mao quản giải trình tự gen</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> • 1 × 800µl tube of BigDye® Terminator v3.1 Ready Reaction Mix • 1 tube M13 (-21) Primer • 1 tube pGEM Control DNA • 2 × 1 ml tubes of 5X Sequencing Buffer <p>3. Điều kiện bảo quản: -15°C đến -25°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Hộp 100 phần ứng	1											
<p>Phụ lục 2: Sinh phẩm, hóa chất và vật tư phục vụ xét nghiệm dịch hạch và đánh hiệu năng lực diệt véc tơ truyền bệnh, thử kháng hóa chất độc với bộ chết, gồm 9 danh mục</p>																

Phuong.h.nhle_Bui_Hu...
3-02-2025 17:38

Phân STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá							
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
1	Kit tách chiết DNA 250 phản ứng	<p>1. Mục đích: Kit tách chiết DNA từ nhiều nguồn khác nhau như máu toàn phần, mô, tế bào.</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số cột lọc: 250 - Số ống thu hồi loại 2ml: 750 ống - Đệm AL: 2 x 33 ml - Đệm ATL: 50 ml - Đệm AW1: 98ml - Đệm AW2: 66ml - Đệm AE: 128 ml - Proteinase K: 6 ml <p>3. Nhiệt độ bảo quản: -20°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Hộp 250 phản ứng	1									
2	Hỗn hợp phản ứng PCR 250 phản ứng	<p>1. Mục đích sử dụng: Sử dụng để thực hiện phản ứng PCR</p> <p>2. Thành phần bao gồm: 3 x 1.7 ml Taq PCR Master Mix containing 250 units Taq DNA Polymerase, 3 x 1.7 ml Distilled water</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đóng gói: 250 phản ứng - Bảo quản: - 20 độ C - Hạn sử dụng: ≥ 06 tháng 	Hộp 250 phản ứng	2									
3	Ống vô trùng 15ml	<p>1. Mục đích: Chứa mẫu bệnh phẩm,</p> <p>2. Mô tả: Ống nhựa vô trùng 15 mL.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lực ly tâm tối đa: 12.500 xg - Chịu nhiệt độ: -80°C đến 120°C - Có vạch chia thể tích (mỗi 0.5mL một vạch) trong khoảng 1.5 - 14.5mL - Đã tiệt trùng - Không chứa nội độc tố, không chứa RNase và DNase - Thành phần: Vật liệu: nhựa PP <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Thùng 500 chiếc	2									

Phân	STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá								
			Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dư kiện)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá	
			1. Mục đích: Cây vi khuẩn 2. Mô tả: - 1 đầu vòng và 1 đầu nhọn - Màu trắng - Vật liệu: nhựa Polypropylene (PP) - Kích thước: Chiều dài \geq 195mm - Vòng lấy mẫu: 10ul - Không chứa Dnase/Rnase 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: Không áp dụng	Túi 10 chiếc	100										
	5	Găng tay y tế không bột size M	1. Mục đích: Sử dụng cho các thao tác xử lý mẫu, phân ứng 2. Mô tả: Găng tay không bột, chất liệu cao su 3. Bảo quản: nơi khô mát, tránh ánh nắng và nhiệt. 4. Hạn sử dụng: 12 tháng	Hộp 50 đôi	10										
	6	Quần áo bảo hộ	1. Mục đích sử dụng: bảo hộ cá nhân 2. Mô tả: Tiêu chuẩn: EN 14126, ASTM F 1671/1670, CE Chất liệu: Vải không dệt Spunbond PP + Microporous PE Đặc điểm: Chống hóa chất, ngăn vi sinh vật Kích thước: Size M, Quy cách đóng gói: 1 bộ/gói 3. Bảo quản: - Bảo quản nơi thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời - Chỉ sử dụng 1 lần, không giặt được, không tẩy rửa 4. Hạn sử dụng: 2/12 tháng	bộ	10										

1002:11005
 09/09/2025
 phuong.nhanh_bui@huyphong.com.vn

Phần	STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá							
			Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
	7	Mặt nạ phòng độc	<p>1. Mục đích: sử dụng phòng hộ cá nhân</p> <p>2. Mô tả: Phin lọc mặt nạ phòng độc 3301K-100 bằng than hoạt tính. Hấp thụ 99,9% mùi độc hại, hơi sơn, hơi thuốc, khói bụi,...</p> <p>Trọng bộ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 Mặt nạ nửa mặt 3200 (size vừa) hoặc 3100 (size nhỏ); - 01 Phin lọc 3301K-100 <p>3. Điều kiện bảo quản: ở nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥12 tháng</p>	chiếc	10									
	8	Chậu thủy tinh nuôi bọ chết	<p>1. Mục đích: nuôi bọ chết</p> <p>2. Mô tả: Thủy tinh thông thường (soda lime) đường kính 50cm, cao 50cm</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: không áp dụng</p> <p>4. Hạn sử dụng: không áp dụng</p>	chiếc	2									
	9	Giá kẹp chuột	<p>1. Mục đích: sử dụng để kẹp chuột</p> <p>2. Mô tả: Chất liệu inox Kích thước 30x30cm</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: điều kiện nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: không áp dụng</p>	chiếc	5									
<p>Phụ lục 3: Sinh phẩm, hóa chất vật tư giám sát chủ động, nghiên cứu phát hiện các dịch, bệnh truyền nhiễm: gồm 188 danh mục, chia 6 phần.</p>														
<p>Phần 1. Nhóm sinh phẩm thực hiện kỹ thuật miễn dịch học: gồm 17 danh mục</p>														

Phần	STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá								
			Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dư kiện)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá	
			<p>1. Mục đích: Chẩn đoán nhiễm Virus Dengue ở giai đoạn sớm</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Que test -Dung môi -Ống nhỏ giọt -Độ nhạy : $\geq 92\%$ (Dengue NS1 Ag), $\geq 94\%$ (Dengue IgG/IgM). -Độ đặc hiệu : $\geq 98\%$ (Dengue NS1 Ag), $\geq 96\%$ (Dengue IgG/IgM). Có chứng nhận IVD <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>												
1	1	Kit test nhanh phát hiện NS1, IgM và IgG cho Dengue	<p>1. Mục đích sử dụng: phát hiện IgM đặc hiệu kháng vi rút sốt</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> -MTP: Các thanh xét nghiệm có thể bỏ rời, mỗi thanh có 8 giếng phủ kháng nguyên. Nguyên liệu phủ đã bị bất hoạt. -STD: Huyết Thanh Chuẩn (sẵn sàng để sử dụng) -NEG: Huyết thanh Chứng âm (sẵn sàng để sử dụng). -APC: Liên hợp kháng IgM người (sẵn sàng để sử dụng). <p>3. WASH: Dung dịch rửa đậm đặc (đủ 1000 ml).</p> <p>4. DILB: Đệm Pha loãng (sẵn sàng để sử dụng)</p> <p>5. STOP: Dung dịch dùng phân ứng (sẵn sàng để sử dụng).</p> <p>6. pNPP: Cơ chất (sẵn sàng để sử dụng).</p> <p>7. RF Absorbent: Hộp chất hạn chế dương giả (loại bỏ yếu tố dạng thấp ở bệnh nhân thấp khớp)</p> <p>8. INFO: Giấy chứng nhận quản lý chất lượng với đường chuẩn và bảng đánh giá.</p> <p>9. Độ nhạy: 98.9%; độ đặc hiệu $> 99\%$</p> <p>10. Điều kiện bảo quản: 2 - 8°C</p> <p>11. Hạn sử dụng : ≥ 6 tháng</p>	Hộp 10 phần ứng	3										
	2	Kit ELISA phát hiện kháng thể IgM kháng vi rút Sởi		Hộp 96 phần ứng	5										

Phân STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá							
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
1	Kit ELISA phát hiện kháng thể IgM kháng vi rút viêm gan A	<p>1. Mục đích: Phát hiện sự có mặt của IgM HAV trong bệnh phẩm.</p> <p>2. Mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được lớp kháng thể IgM kháng HAV trong huyết thanh và huyết tương người theo cơ chế tóm tắt. Có chứng nhận IVD - Được sử dụng để xác định tác nhân vi rút gây viêm gan ở bệnh nhân và theo dõi giai đoạn nhiễm cấp tính. <p>3. Nhiệt độ bảo quản: 2-8 độ C</p> <p>4. Hạn sử dụng: \geq 6 tháng.</p>	Hộp 96 phản ứng	1									
1	Kit ELISA phát hiện kháng thể IgM kháng vi rút viêm gan E	<p>1. Mục đích: Phát hiện sự có mặt của IgM HEV trong bệnh phẩm.</p> <p>2. Mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được lớp kháng thể IgM kháng HAV trong huyết thanh và huyết tương người theo cơ chế tóm tắt. - Được sử dụng để xác định tác nhân vi rút gây viêm gan ở bệnh nhân và theo dõi giai đoạn nhiễm cấp tính. <p>3. Nhiệt độ bảo quản: 2-8 độ C</p> <p>4. Hạn sử dụng: \geq 6 tháng.</p>	Hộp 96 phản ứng	1									

Phần	STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá							
			Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dư kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
			<p>1. Mục đích sử dụng: phát hiện kháng thể IgG đặc hiệu kháng vi rút sởi</p> <p>2. Thành phần:</p> <p>- MTP: Các thanh xét nghiệm có thẻ bẻ rời, mỗi thanh có 8 giếng phủ kháng nguyên. Nguyên liệu phủ đã bị bất hoạt.</p> <p>- STD: Huyết Thanh Chuẩn (sẵn sàng để sử dụng)</p> <p>- NEG: Huyết thanh Chứng âm (sẵn sàng để sử dụng).</p> <p>- APC: Liên hợp kháng IgG người (sẵn sàng để sử dụng).</p> <p>- WASH: Dung dịch rửa đậm đặc (đủ 1000 ml).</p> <p>- DILB: Đệm Pha loãng (sẵn sàng để sử dụng)</p> <p>- STOP: Dung dịch dừng phản ứng (sẵn sàng để sử dụng).</p> <p>- pNPP: Cơ chất (sẵn sàng để sử dụng).</p> <p>- INFO: Giấy chứng nhận quản lý chất lượng với đường chuẩn và bảng đánh giá.</p> <p>- Độ nhạy: >99%; độ đặc hiệu: 95%</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 2 - 8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>											
1	5	Kit ELISA phát hiện kháng thể IgG kháng vi rút Sởi	<p>1. Mục đích: Phát hiện kháng thể IgG kháng <i>C. diphtheriae</i></p> <p>2. Thành phần: thanh xét nghiệm, dung dịch pha loãng, dung dịch cộng hợp, dung dịch rửa, chứng dương, chứng âm, dung dịch dừng phản ứng</p> <p>- Chứng nhớt (VD)</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 4-8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Hộp 96 phản ứng	1									
	6	Kit ELISA phát hiện kháng thể IgG kháng vi khuẩn bạch hầu		Hộp 96 phản ứng	1									

phuong.ph.nhle.R

Phân	STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá							
			Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dư kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
1	7	Kit ELISA phát hiện kháng thể IgG kháng vi khuẩn ho gà	<p>1. Mục đích: Phát hiện kháng thể IgG kháng <i>Bordetella pertussis</i></p> <p>2. Mô tả: thành phần: thanh xét nghiệm, dung dịch pha loãng, dung dịch cộng hợp, dung dịch rửa, chứng dương, chứng âm, dung dịch dừng phản ứng</p> <p>- Chứng nhận IVD</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 4-8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: > 6 tháng</p>	Hộp 96 phản ứng	2									
1	8	Kit ELISA phát hiện kháng thể IgG kháng vi rút Rubella	<p>1. Mục đích sử dụng: Phát hiện kháng thể IgG kháng vi rút rubella.</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MTP: Các thanh xét nghiệm có thể bỏ rời, mỗi thanh có 8 giếng phù kháng nguyên. Nguyên liệu phủ đã bị bất hoạt. - STD: Huyết Thanh Chuẩn (sẵn sàng để sử dụng) - NEG: Huyết thanh Chứng âm (sẵn sàng để sử dụng). - APC: Liên hợp kháng IgG người (sẵn sàng để sử dụng). - WASH: Dung dịch rửa đậm đặc (đủ 1000 ml). - DILB: Đệm Pha loãng (sẵn sàng để sử dụng) - STOP: Dung dịch dừng phản ứng (sẵn sàng để sử dụng). - pNPP: Cơ chất (sẵn sàng để sử dụng). - INFO: Giấy chứng nhận quản lý chất lượng với đường chuẩn và bảng đánh giá. <p>- Độ nhạy: 99.7%; độ đặc hiệu >99%</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 2 - 8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng : ≥ 6 tháng</p>	Hộp 96 phản ứng	1									

Phần	STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá								
			Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dư kiện)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá	
1	9	Kit ELISA phát hiện kháng thể IgM kháng vi rút Dengue	<p>1. Mục đích: Phát hiện kháng thể IgM kháng vi rút Dengue để chẩn đoán xác định ca bệnh</p> <p>2. Thành phần: - Dung dịch pha loãng</p> <p>- Kháng nguyên</p> <p>- Chứng</p> <p>- Dung dịch rửa</p> <p>- Cột hợp</p> <p>- Cơ chất TMB</p> <p>- Dung dịch dung phân ứng. Độ nhạy $\geq 98\%$, Độ đặc hiệu $\geq 99\%$.</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng ≥ 06 tháng</p>	Hộp 96 phân ứng	3										
1	10	phát hiện kháng thể IgM kháng vi rút Rubella	<p>1. Mục đích sử dụng: Phát hiện kháng thể IgM đặc hiệu kháng vi rút rubella</p> <p>2. Thành phần:</p> <p>- MTP: Các thanh xét nghiệm có thể bỏ rời, mỗi thanh có 8 giếng phủ kháng nguyên. Nguyên liệu phủ đã bị bất hoạt.</p> <p>- STD: Huyết Thanh Chuẩn (sẵn sàng để sử dụng)</p> <p>- NEG: Huyết thanh Chứng âm (sẵn sàng để sử dụng).</p> <p>- APC: Liên hợp kháng IgM người (sẵn sàng để sử dụng).</p> <p>- WASH: Dung dịch rửa đậm đặc (đủ 1000 ml).</p> <p>- DILB: Đệm Pha loãng (sẵn sàng để sử dụng)</p> <p>- STOP: Dung dịch dừng phản ứng (sẵn sàng để sử dụng).</p> <p>- PNPP: Cơ chất (sẵn sàng để sử dụng).</p> <p>- RF Absorbent: Hộp chất hạn chế dương giả (loại bỏ yếu tố dạng thấp ở bệnh nhân thấp khớp)</p> <p>- INFO: Giấy chứng nhận quản lý chất lượng với đường chuẩn và bảng đánh giá.</p> <p>- Độ nhạy: $>99\%$; độ đặc hiệu: 96,8%</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 2 - 8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng : ≥ 6 tháng</p>	Hộp 96 phân ứng	4										

Phân	STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá							
			Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
1	11	Kit ELISA phát hiện kháng thể IgM Rubella	<p>1. Mục đích sử dụng: Phát hiện kháng thể IgM đặc hiệu kháng vi rút rubella</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MTP: Các thanh xét nghiệm có thể bỏ rời, mỗi thanh có 8 giếng phủ kháng nguyên. Nguyên liệu phủ đã bị bất hoạt. - STD: Huyết Thanh Chuẩn (sẵn sàng để sử dụng) - NEG: Huyết thanh Chứng âm (sẵn sàng để sử dụng). - APC: Liên hợp kháng IgM người (sẵn sàng để sử dụng). - WASH: Dung dịch rửa đậm đặc (đủ 1000 ml). - DILB: Đệm Pha loãng (sẵn sàng để sử dụng) - STOP; Dung dịch dừng phản ứng (sẵn sàng để sử dụng). - pNPP: Cơ chất (sẵn sàng để sử dụng). - RF Absorbent: Hộp chất hạn chế dương giả (loại bỏ yếu tố dạng thấp ở bệnh nhân thấp khớp) - INFO: Giấy chứng nhận quản lý chất lượng với đường chuẩn và bảng đánh giá. <p>3. Độ nhạy: >99%; độ đặc hiệu: 96,8%</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 2 - 8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng : ≥ 6 tháng</p>	Hộp 96 phản ứng										
1	12	Cộng hợp kháng thể kháng vi rút dại gắn FITC	<p>1. Mục đích sử dụng: sử dụng trong các xét nghiệm MD huỳnh quang có thể phát hiện tất cả các chủng vi rút dại đã biết và các <i>Lyssaviruses</i> Duvenhage, Lagos Bat, and Mokola.</p> <p>2. Thành phần: Anti-Rabies Monoclonal Globulin gắn FITC</p> <p>1 lọ x 5.0 mL , dạng đông khô</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 2°C - 8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Lọ 5ml	1									

Phân	STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá								
			Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dư kiện)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá	
			1. Mục đích: Sử dụng làm kháng thể cho phản ứng ELISA HPV 2. Mô tả: dạng lỏng, nồng độ 0.5mg/ml, cỡ 20µg x 6 3. Điều kiện bảo quản: -20oC 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	20µg x 6	1										
1	13	Kháng thể đơn dòng chuột HPV18 L1	1. Mục đích: Sử dụng làm kháng thể cho phản ứng ELISA HPV 2. Mô tả: dạng lỏng, nồng độ 0.5mg/ml, cỡ 20µg x 6 3. Điều kiện bảo quản: -20oC 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	20µg x 6	1										
			1. Mục đích: Sử dụng làm kháng thể cho phản ứng ELISA HPV 2. Mô tả: 100µg, protein tái tổ hợp vùng L1 của HPV 16, bao gồm 505 axit amin, khối lượng 56kDa, độ tinh khiết ≥90% kiểm tra bằng SDS-PAGE, nồng độ endotoxin <0.01 EU/µg 3. Điều kiện bảo quản: -20oC đến -70oC 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	lọ 100µg	1										
1	15	Protein tái tổ hợp HPV16 L1	1. Mục đích: Sử dụng làm kháng nguyên cho phản ứng ELISA HPV 2. Mô tả: 100µg, protein tái tổ hợp vùng L1 của HPV 18, bao gồm 507 axit amin, khối lượng 56kDa, độ tinh khiết ≥90% kiểm tra bằng SDS-PAGE, nồng độ endotoxin <0.01 EU/µg 3. Điều kiện bảo quản: -20oC đến -70oC 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	lọ 100µg	1										
			1. Mục đích: Sử dụng làm kháng thể cho phản ứng ELISA HPV 2. Mô tả: 100µg, protein tái tổ hợp vùng L1 của HPV 18, bao gồm 507 axit amin, khối lượng 56kDa, độ tinh khiết ≥90% kiểm tra bằng SDS-PAGE, nồng độ endotoxin <0.01 EU/µg 3. Điều kiện bảo quản: -20oC đến -70oC 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	lọ 100µg	1										
1	16	Protein tái tổ hợp HPV18 L1	1. Mục đích: Sử dụng làm kháng nguyên cho phản ứng ELISA HPV 2. Mô tả: 100µg, protein tái tổ hợp vùng L1 của HPV 18, bao gồm 507 axit amin, khối lượng 56kDa, độ tinh khiết ≥90% kiểm tra bằng SDS-PAGE, nồng độ endotoxin <0.01 EU/µg 3. Điều kiện bảo quản: -20oC đến -70oC 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	lọ 100µg	1										

Phân	STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá							
			Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dư kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
1	17	Protein tái tổ hợp HPV52 L1	<p>1. Mục đích: Sử dụng làm kháng nguyên cho phản ứng ELISA HPV</p> <p>2. Mô tả: 100µg, protein tái tổ hợp vùng L1 của HPV 52, bao gồm 503 axit amin, khối lượng 56kDa, độ tinh khiết ≥90% Kiểm tra bằng SDS-PAGE, nồng độ endotoxin <0.01 EU/µg</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: -20oC đến -70oC</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	lọ 100µg	1									
Phần 2. Sinh phẩm, hoá chất thực hiện kỹ thuật sinh học phân tử: gồm 34 danh mục														
2	1	Kit chạy realtime RT-PCR 1 bước 100 phản ứng	<p>1. Mục đích: Bộ sinh phẩm thực hiện phản ứng Realtime RT-PCR</p> <p>2. Thành phần</p> <ul style="list-style-type: none"> - 200 µl SuperScript III/Platinum Taq Mix - 3 ml 2X Reaction Mix - 0.5ml Magnesium Sulfate (50 mM) - 500 µl ROX Reference Dye (25 µM) <p>3. Điều kiện bảo quản: -20°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Hộp 100 phản ứng	1									
2	2	Kit chạy RT-PCR một bước 100 phản ứng	<p>1. Mục đích sử dụng: Sinh phẩm thực hiện phản ứng RT-PCR một bước, sử dụng bất kỳ khuôn ARN nào, nồng độ từ 1 pg đến 2 µg.</p> <p>2. Mô tả: Kit RT-PCR 1 bước</p> <ul style="list-style-type: none"> - QIAGEN OneStep RT-PCR Enzyme Mix (1 x 200 µl) - 5x QIAGEN OneStep RT-PCR Buffer (1 x 1 ml) - dNTP Mix (1 x 200 µl, 10 mM each) - 5x Q-Solution (1 x 2 ml) - RNase-Free Water (2 x 1.9 ml) <p>3. Bảo quản: -20 độ C.</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Hộp 100 phản ứng	1									

Phân STT	Tên hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Thông tin mới chào giá					Thông tin chào giá							
			Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dư kiện)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá		
2	3	Kit realtime RT-PCR 100 phần ứng	Hộp 100 phần ứng	1											
2	4	Kit chạy Realtime RT-PCR 1 bước 500 phần ứng	Hộp 500 phần ứng	2											
2	5	Kit tách chiết RNA 250 phần ứng	Hộp 250 phần ứng	2											

Phân	STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá							
			Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
2	6	Kit tách chiết RNA 50 phản ứng từ mẫu dịch	<p>1. Mục đích sử dụng: Tách chiết RNA virus từ nhiều nguồn mẫu khác nhau gồm: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu, dịch nội tế bào nuôi cấy.</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cột lọc: 50 cột - Ống hứng dịch: 150 chiếc - Đệm ly giải Buffer AVL: 1chai x 3 l/ml/chai - Đệm rửa Buffer AW1: 19ml - Đệm rửa Buffer AW2: 13ml - Đệm Buffer AVE: 3 ống x 2ml/ống <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Hộp 50 phản ứng	1									
2	7	Kit tách chiết RNA 50 phản ứng từ mẫu mô	<p>1. Mục đích sử dụng: Tách chiết RNA tổng số từ các mẫu mô, tế bào, nám bằng công nghệ silica</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cột lọc: 50 cột - Ống hứng dịch: 100 chiếc - Đệm RL.T: 45ml - Đệm rửa Buffer RW1: 45ml - Đệm rửa BufferRPE: 1 ml - RNase-Free Water: 10ml <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Hộp 50 phản ứng	1									
2	8	Kit tinh sạch sản phẩm PCR bằng hạt từ	<p>1. Mục đích sử dụng: Sinh phẩm tinh sạch sản phẩm PCR, DNA, NGS...</p> <p>2. Mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dạng lỏng, hạt từ. - Sản phẩm đích: DNA - Thể tích: 1 x 60 ml. - Có khả năng hấp thụ triệt trùng <p>3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Lọ 60ml	1									

Phần	STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá								
			Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dư kiện)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá	
			<p>1. Mục đích sử dụng: Sản phẩm tinh sạch DNA khỏi các thành phần muối và chất nhuộm đầu cuối (dye terminator) trong phản ứng giải trình tự bằng phương pháp ly trích dựa trên hạt từ.</p> <p>2. Mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần bao gồm hạt từ và dung dịch đệm rửa giải (elution buffer). - Hạt từ được xử lý carboxyl or carboxylic acid - Áp dụng: Giải trình tự DNA và phân tích đoạn. - Có chứng chỉ IVD <p>3. Điều kiện bảo quản: 4°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Hộp 500 phần ứng	1										
	2	Kit tổng hợp sợi đơn DNA	<p>1. Mục đích: tổng hợp cDNA từ mẫu RNA tổng số hoặc mẫu RNA có đuôi polyA đã tinh sạch.</p> <p>2. Mô tả: enzyme phiên mã ngược tổng hợp cDNA từ RNA. Phù hợp với các mẫu có nồng độ GC cao. Độ dài sản phẩm khuếch đại lên tới 12.5kb. Ứng dụng trong RT-PCR.</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: -20°C.</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Hộp 200 phần ứng	2										
	2	Hỗn hợp phản ứng PCR 1000 phần ứng	<p>1. Mục đích sử dụng: Sử dụng trong phản ứng PCR phát hiện các gen kháng kháng sinh của vi khuẩn</p> <p>2. Mô tả: Bộ kit sẵn sàng sử dụng chứa đầy đủ thành phần cần phản ứng PCR, chứa hai thuốc nhuộm (màu xanh và màu vàng) cho phép theo dõi tiến trình trong quá trình điện di. Đóng gói 1000 phần ứng</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: -30 đến -10 độ C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Hộp 1000 phần ứng	1										

Phân STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá					Thông tin chào giá					
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng
2	Hỗn hợp phân ứng PCR 250 phân ứng	1. Mục đích sử dụng: Sử dụng để thực hiện phản ứng PCR 2. Mô tả: Thành phần bao gồm: 3 x 1.7 ml Taq PCR Master Mix containing 250 units Taq DNA Polymerase, 3 x 1.7 ml Distilled water - Đóng gói: 250 phân ứng 3. Bảo quản: - 20 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 250 phân ứng	1								
2	Hỗn hợp phân ứng Realtime PCR	1. Mục đích: kit chạy multiplex qPCR 2. Mô tả: Nồng độ 2X Thành phần: Multiplex qPCR SuperMix, 1.25 mL ROX Reference Dye 50X, 250 µL Low ROX Reference Dye 50X, 250 µL 3. Bảo quản: -20 độ 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Kit 200 x 50 µL rxns	3								
2	Sinh phẩm khuếch đại ADN	1. Mục đích: dùng để khuếch đại ADN đã tách chiết và tinh sạch. 2. Mô tả: - Hỗn hợp PCR đặc 2 lần, sẵn dùng - Chứa Platinum SuperFi II DNA Polymerase, Platinum SuperFi II Buffer. Độ tin cậy của Taq >300 lần - Nhiệt độ gần môi 60oC - Khuếch đại được cả những đoạn khó, >65% GC, đoạn ADN đích dài, độ tinh sạch của khuôn mẫu không tối ưu. - Sản phẩm khuếch đại được dùng cho các phản ứng khác như tạo dòng, gây đột biến hoặc giải trình tự gen cho độ chính xác cao. 3. Nhiệt độ bảo quản: 2-8 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 100 phân ứng	4								

Phân STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá					Thông tin chào giá					
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng
2	Môi PCR xác định vi khuẩn <i>leptospira</i> , <i>C. diphtheriae</i> , <i>B. pertussis</i>	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng PCR</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200nM, dạng đông khô. <p>3. Điều kiện bảo quản: 4-8 độ C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng</p>	Cặp	8								
2	Môi PCR xác định vi rút cúm	<p>1. Mục đích: Môi xét nghiệm vi rút cúm bằng realtime RT-PCR</p> <p>2. Mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Oligonucleotide đã tinh sạch dạng đông khô <p>Trình tự môi cúm A:</p> <p>InfA For 1: CAA GAC CAA TCY TGT CAC CTC TGA C</p> <p>InfA For 2: CAA GAC CAA TYC TGT CAC CTY TGA C</p> <p>InfA Rev1: GCA TTY TGG ACA AAV CGT CTA CG</p> <p>InfA Rev2: GCA TTT TGG ATA AAG CGT CTA CG</p> <p>Trình tự môi cúm B:</p> <p>InfB- For: TCC TCA AYT CAC TCT TCG AGC G</p> <p>InfB- Rev: CGG TGC TCT TGA CCA AAT TGG</p> <p>3. Bảo quản: -10 đến -30°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	200nM/ống	3								

Phân STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá					Thông tin chào giá							
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dư kiện)	Số lượng	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá	
2	17	Đầu dò xác định vi rút cúm	2000nM/ống	2										
		<p>1. Mục đích: Đầu dò xét nghiệm vi rút cúm bằng realtime RT-PCR</p> <p>2. Mô tả:</p> <p>- Oligonucleotide gắn huỳnh quang đã tinh sạch dạng đông khô</p> <p>Tình tự đầu dò cúm A: FAM-TGC AGT CCT CGC TCA CTG GGC ACG-BHQ-1</p> <p>Tình tự đầu dò cúm B: FAM-CCA ATT GGA GCA GCT GAA ACT GCG GTG-BHQ-1</p> <p>3. Bảo quản: -10 đến -30°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>												
2	18	Môi PCR xác định vi rút dengue	Ông	8										
		<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phân ứng realtime RT-PCR để xác định vi rút dengue</p> <p>2. Thành phần:</p> <p>- Môi (nucleotide)</p> <p>- Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid</p> <p>- Nồng độ 100 mmol, dạng đông khô.</p> <p>- Trình tự:</p> <p>D1F: CAA AAG GAA GTC GYG CAA TA</p> <p>D1C: CTG AGT GAA TTC TCT CTG CTR AAC</p> <p>D2F: CAG GCT ATG GCA CYG TCA CGA T</p> <p>D2C: CCA TYT GCA GCA RCA CCA TCT C</p> <p>D3F: GGA CTR GAC ACA CGC ACC CA</p> <p>D3C: CAA GTC TCT ACC TTC TCG ACT TGY CT</p> <p>D4F: TTG TCC TAA TGA TGC TRG TCG</p> <p>D4C: TCC ACC YGA GAC TCC TTC CA</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>												

phuongnhanh@bunhainh.com.vn

Phân STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá					Thông tin chào giá					
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng
2	Đầu dò xác định Dengue 1,2,3,4	<p>1. Mục đích: Sử dụng phát huỳnh quang trong phản ứng realtime RT-PCR để xác định vi rút dengue</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nucleotide gắn huỳnh quang - Nồng độ 30D - Trình tự: <p>Probe Denv1: FAM-CAT GTG GYT GGG AGC RCG C-BHQ1</p> <p>Probe Denv2: HEX-CTC YCC RAG AAC GGG CCT CGA CTT CAA-BHQ1</p> <p>Probe Denv3: TexRd-ACC TGG ATG TCG GCT GAA GGA GCT TG-BHQ2</p> <p>Probe Denv4: Cy5-TYC CTA CYC CTA CGC ATC GCA TTC CG-BHQ3</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: > 6 tháng</p>	Óng	4								
2	Mồi xác định vi rút viêm gan A	<p>1. Mục đích: Là trình tự nucleotide dùng để làm mồi cho khuếch đại đặc hiệu cho vi rút viêm gan A</p> <p>2. Mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc hiệu cho HAV: <p>Mồi xuôi:</p> <p>GT1.B.S.GenoB. 5'-CCG CTT GGG GCT CTA CCG CCC G-3'</p> <p>GT1.B.S.GenoC. 5'-CCT GAA CAT GCA GTT AAT CAT TAC TTC AAA ACT AGG-3'</p> <p>Mồi ngược:</p> <p>GT1.B.AS.GenoB. 5'-CTC TTA TGC AAG ACC TTG GGC AGG TTC C-3'</p> <p>GT1.B.AS.GenoC. 5'-AGC AGG GGT CCT AGG AAT CCT GAT GTT G-3'</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nồng độ 100 pmol - Dạng đóng gói: đóng khô <p>3. Nhiệt độ bảo quản: nhiệt độ phòng hoặc -20°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: Không áp dụng</p>	Óng 100pmol	4								

Phân STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hóa	
2	21	Thang chuẩn DNA 100bp loại Ống 50 µg	Ống 50 µg	1										
		1. Mục đích: Thang chuẩn DNA 100bp dùng trong điện di 2. Thành phần: 13 vạch có kích thước từ 100bp đến 2000bp - 500 µL 100 bp DNA Ladder - Cung cấp với 1ml Blue/Orange 6X Loading Dye 3. Bảo quản: -20°C 4. Hạn sử dụng: > 6 tháng												
2	22	Thang chuẩn DNA 100bp loại thang	Bộ 100 thang	2										
		1. Mục đích sử dụng: Làm thang đo nhằm xác định kích thước đoạn gen được nhân lên trong phản ứng PCR 2.. Mô tả - Thang chuẩn cho điện di DNA kích thước 100 - 1000bp - Gồm 10 dải đậm trong dải kích thước từ 100 - 1000bp - Được cung cấp kèm loading dye để tải mẫu 3. Bảo quản: -20°C 4. Hạn sử dụng: > 06 tháng												
2	23	Dung dịch đệm TAE 10X	Chai 1L	1										
		1. Mục đích sử dụng: Dung dịch đệm TAE sử dụng trong điện di gel polyacrylamide và agarose 2. Mô tả: Đệm nồng độ 10X 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: > 6 tháng												
2	24	Dung dịch đệm TBE, 10X	Chai 1L	2										
		Mục đích sử dụng: Dung dịch đệm TBE sử dụng trong điện di gel polyacrylamide và agarose 2. Mô tả: Đệm nồng độ 10X 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: > 06 tháng												

phuong.nhanh@bui-hai.com.vn

Phân STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá					Thông tin chào giá					
		Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
2	Enzyme khuếch đại DNA trong giải trình tự		Hộp 200 phản ứng	2								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật 1. Mục đích: sử dụng trong giải trình tự với đặc điểm không có hoạt tính 3' → 5' exonuclease. 2. Mô tả: sản phẩm cung cấp với nồng độ enzyme 13U/ul, enzyme bao gồm 2 tiểu phần MW và T7 gene 5 protein giúp tăng hoạt tính loại bỏ exonuclease mà không thay đổi hoạt động của enzyme DNA polymerase. 3. Điều kiện bảo quản: -20°C. 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng										
2	Enzyme khuếch đại đoạn dài Accutaq LA		Hộp 125 phản ứng	2								
		1. Mục đích: sử dụng cho khuếch đại đoạn dài, sản phẩm đích có chiều dài > 20kb. 2. Mô tả: enzyme có hoạt tính cao hơn 6.5 lần Taq DNA polymerase, được cung cấp cùng với dung dịch đệm 10X. Ứng dụng trong PCR với sản phẩm đích dài > 20kb, chuẩn bị thư viện cDNA, giải trình tự DNA hoặc các phân tích đột biến. 3. Điều kiện bảo quản: -20°C. 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng										
2	Enzyme phân cắt DNA sợi đôi		Hộp 1000 U	2								
		1. Mục đích: khử DNA tạp nhiễm trong mẫu RNA bằng cách tách các sợi DNA không đặc hiệu, để lại đầu 5' được phosphoryl hóa. 2. Mô tả: enzyme DNase TURBO (bản chất DNase I) có nồng độ 2U/ul, cung cấp kèm theo dung dịch đệm 10X. Ứng dụng trong RT-PCR. 3. Điều kiện bảo quản: -20°C. 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng										

Phân STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hạng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá	
28	Enzyme Polymerase	<p>1. Mục đích sử dụng: Sinh phẩm PCR, tạo sản phẩm đầu tù, sử dụng khuôn là DNA hoặc cDNA.</p> <p>2. Mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khuếch đại sản phẩm lên đến 30kb (với DNA người), 40kb (lambda DNA) hoặc 13.5kb (cDNA) - Có độ bền cao với những khuôn giàu GC. - Khuếch đại thư viện cho NGS mà không tạo sản phẩm nhiễu <p>- Chứa hot-start, high-fidelity PCR enzyme</p> <p>- Tube enzyme được cung cấp rời, khác tube đệm tối ưu có bổ sung mg²⁺ và dNTPs.</p> <p>- Đóng gói gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + PrimeSTAR GXL DNA Polymerase (Tổng 1000 U) + 5X PrimeSTAR GXL Buffer (Mg²⁺ plus) + dNTP Mixture <p>3. Điều kiện bảo quản: -20 độ C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng.</p>	Hộp 1000 đơn vị	1										
29	Chỉ thị màu phenol	<p>1. Mục đích: Chỉ thị màu dùng để chỉnh màu môi trường</p> <p>2. Mô tả: dạng bột. Màu sắc: màu đỏ. Có kèm COA và MSDS</p> <p>3. Bảo quản: 5-30 độ C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng.</p>	Chai 100g	2										
30	Ethanol 99,9%	<p>1. Mục đích: Còn tuyệt đối sử dụng cho xét nghiệm</p> <p>2. Thành phần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ethanol: ≥ 99,9 % - Nước: ≤ 0,1 % <p>3. Điều kiện bảo quản: 2-30°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng.</p>	Chai	1										

		Thông tin mời chào giá					Thông tin chào giá						
Phân STT	Tên hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
2	Muối Natri chloride	<p>1. Mục đích: Pha loãng mẫu, tách AND, làm p/ư ngưng kết, pha môi trường nuôi cấy phân lập vi khuẩn Tả</p> <p>2. Mô tả: Natri clorua hay còn gọi là Sodium Chloride là hợp chất hóa học với công thức hóa học NaCl. màu trắng</p> <p>3. Bảo quản: 15-25°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Hộp 1000g	5									
2	Nước tinh khiết	<p>1. Mục đích sử dụng: Dùng để pha hóa chất trong các thí nghiệm sinh học phân tử</p> <p>2. Mô tả: Nước tinh khiết không chứa DNase / RNase sử dụng trong tất cả các ứng dụng sinh học phân tử</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Chai 500 mL	1									
2	Thuốc nhuộm điện di DNA	<p>1. Mục đích sử dụng: Chất nhuộm gel DNA, phát hiện DNA trong gel bằng thuốc nhuộm huỳnh quang.</p> <p>2. Mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuốc nhuộm: SYBR™ Safe - Màu xanh lá. - Đặc tính: Ít độc - Nồng độ: 10,000x trong DMSO <p>Phân tử đích: DNA</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng.</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Ống 400 µL	2									
2	Thuốc nhuộm gel	<p>1. Mục đích sử dụng: Để phát hiện band của sản phẩm PCR trong khâu điện di</p> <p>2. Thành phần bao gồm: SYBRE</p> <p>3. Bảo quản: âm 4-8 độ C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Hộp 400 µl	1									
<p>Phần 3. Sinh phẩm, hoá chất thực hiện các kỹ thuật nuôi cấy, phân lập, thử nghiệm kháng kháng sinh các tác nhân gây bệnh: gồm 75 danh mục</p>													

Phân STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá							
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
3	Bột Lysozyme, Egg White	1. Mục đích: Làm môi trường PLET trong nuôi cấy vi khuẩn <i>B. anthracis</i> 2. Mô tả: Môi trường dạng bột, không bị vón cục 3. Bảo quản: < 0 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Lọ 1g	1									
3	Bột MnCl2.4H2O	1. Mục đích: Nuôi cấy vi khuẩn <i>Leptospira</i> 2. Mô tả: gồm MnCl2.4H2O, không bị vón cục 3. Bảo quản: 2-30°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Lọ 100g	1									
3	Bột đông khô pha tiêm	1. Mục đích: Nuôi cấy tế bào 2. Mô tả: Kháng sinh kháng virus, dạng bột đông khô, độ tinh sạch ≥99% (HPLC), AntiGanci, Ganciclovir 3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	100mg	1									
3	Bột kháng sinh Bedaquilin	1. Mục đích: Thử nghiệm kháng khuẩn 2. Mô tả: Hoạt lực kháng sinh ≥90%, dạng bột, kèm COA và MSDS 3. Điều kiện bảo quản: -20°C đến 4°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Lọ 100mg	1									
3	Bột kháng sinh Delamanid (PA-824)	1. Mục đích: Thử nghiệm kháng khuẩn 2. Mô tả: Hoạt lực ≥90%, dạng bột, kèm COA và MSDS 3. Điều kiện bảo quản: -20°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 Tháng	Lọ 10mg	1									
3	Bột kháng sinh Isoniazid	1. Mục đích: Thử nghiệm kháng khuẩn 2. Mô tả: Hoạt lực kháng sinh ≥90%, dạng bột, kèm COA và MSDS 3. Điều kiện bảo quản: 4-10°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Lọ 5g	1									

Phân STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá							
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
3	Bột kháng sinh Linezolid	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: Thử nghiệm kháng khuẩn Mô tả: Hoạt lực kháng sinh $\geq 90\%$, dạng bột, kèm COA và MSDS Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng 	Lọ 5mg	1									
3	Bột kháng sinh Moxifloxacin	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: Thử nghiệm kháng khuẩn Mô tả: Hoạt lực kháng sinh $\geq 90\%$, dạng bột, kèm COA và MSDS Điều kiện bảo quản: -20°C Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng 	Lọ 250mg	1									
3	Bột kháng sinh Rifampicin	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: Thử nghiệm kháng khuẩn Mô tả: Hoạt lực kháng sinh $\geq 90\%$, dạng bột, kèm COA và MSDS Điều kiện bảo quản: -20°C Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng 	Lọ 1g	1									
3	Kháng sinh tổng hợp Antibiotic-Antimycotic	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích sử dụng: ngăn ngừa sự nhiễm khuẩn và nhiễm nấm trong các môi trường nuôi cấy TB Mô tả: KS phối hợp chứa 10,000 units/mL penicillin, 10,000 $\mu\text{g}/\text{mL}$ streptomycin, và 25 $\mu\text{g}/\text{mL}$ of Amphotericin B. Bảo quản: -5°C đến -20°C. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng 	Lọ 2ml	6									
3	Khoanh giấy tẩm kháng sinh Imipenem	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích sử dụng: dùng để xác định đặc tính kháng kháng sinh của vi khuẩn Mô tả: Khoanh giấy tẩm kháng sinh Imipenem nồng độ 10μg dùng trong xét nghiệm kháng sinh đồ Bảo quản: 4-8 độ C Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng 	Hộp 5 khay, mỗi khay 50 khoanh	1									

Phân STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (đơn kiện)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá	
3	Khoanh giấy tằm kháng sinh Meropenem	1. Mục đích sử dụng: dùng để xác định đặc tính kháng kháng sinh của vi khuẩn 2. Mô tả: Khoanh giấy tằm kháng sinh Meropenem nồng độ 10µg dùng trong xét nghiệm kháng sinh độ 3. Bảo quản: 4-8 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 5 khay, mỗi khay 50 khoanh	1										
3	Khoanh giấy tằm kháng sinh Oxacilline	1. Mục đích sử dụng: dùng để xác định đặc tính kháng kháng sinh của vi khuẩn 2. Mô tả: Khoanh giấy tằm kháng sinh Oxacilline dùng trong xét nghiệm kháng sinh độ 3. Bảo quản: 4-8 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 5 khay, mỗi khay 50 khoanh	1										
3	Khoanh giấy tằm kháng sinh Penicilline	1. Mục đích sử dụng: dùng để xác định đặc tính kháng kháng sinh của vi khuẩn 2. Mô tả: Khoanh giấy tằm kháng sinh Penicilline nồng độ 10µg dùng trong xét nghiệm kháng sinh độ 3. Bảo quản: 4-8 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 5 khay, mỗi khay 50 khoanh	1										
3	Khoanh giấy tằm kháng sinh 10µg	1. Mục đích sử dụng: dùng để xác định đặc tính kháng kháng sinh của vi khuẩn 2. Mô tả: Khoanh giấy tằm kháng sinh Streptomycin nồng độ 10µg dùng trong xét nghiệm kháng sinh độ 3. Bảo quản: -20°C đến 8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 5 khay, mỗi khay 50 khoanh	1										
3	Khoanh giấy tằm kháng sinh Ofloxacin 5µg	1. Mục đích sử dụng: dùng để xác định đặc tính kháng kháng sinh của vi khuẩn 2. Mô tả: Khoanh giấy tằm kháng sinh Ofloxacin nồng độ 5µg dùng trong xét nghiệm kháng sinh độ 3. Bảo quản: -20°C đến 8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 5 khay, mỗi khay 50 khoanh	1										

		Thông tin mời chào giá						Thông tin chào giá						
Phần	STT	Tên hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
3	17	Khoanh giấy tằm kháng sinh Sulphamethoxazole/trimethoprim 25µg	<p>1. Mô tả: Khoanh kháng sinh Sulphamethoxazole/trimethoprim nồng độ 25µg dùng trong xét nghiệm kháng sinh đồ</p> <p>2. Thành phần: Khoanh giấy kháng sinh Sulphamethoxazole/ trimethoprim</p> <p>3. Bảo quản: -20°C đến 8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Hộp 5 khay, mỗi khay 50 khoanh	1									
3	18	Khoanh giấy tằm kháng sinh Vancomycin	<p>1. Mục đích sử dụng: dùng để xác định đặc tính kháng kháng sinh của vi khuẩn</p> <p>2. Mô tả: Khoanh giấy tằm kháng sinh Vancomycin dùng trong xét nghiệm kháng sinh đồ</p> <p>3. Bảo quản: 4-8 độ C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Hộp 5 khay, mỗi khay 50 khoanh	1									
3	19	Khoanh giấy tằm kháng sinh Cefepime 30µg	<p>1. Mục đích sử dụng: dùng để xác định đặc tính kháng kháng sinh của vi khuẩn</p> <p>2. Mô tả: Khoanh giấy tằm kháng sinh Cefepime nồng độ 30µg dùng trong xét nghiệm kháng sinh đồ</p> <p>3. Bảo quản: -20°C đến 8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Hộp 5 khay, mỗi khay 50 khoanh	1									
3	20	Khoanh giấy tằm kháng sinh Cefixime 5µg	<p>1. Mục đích sử dụng: dùng để xác định đặc tính kháng kháng sinh của vi khuẩn</p> <p>2. Mô tả: Khoanh giấy tằm kháng sinh Cefixime nồng độ 5µg dùng trong xét nghiệm kháng sinh đồ</p> <p>3. Bảo quản: -20°C đến 8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Hộp 5 khay, mỗi khay 50 khoanh	1									
3	21	Khoanh giấy tằm kháng sinh Clindamycin	<p>1. Mục đích sử dụng: dùng để xác định đặc tính kháng kháng sinh của vi khuẩn</p> <p>2. Mô tả: Khoanh giấy tằm kháng sinh Clindamycin dùng trong xét nghiệm kháng sinh đồ</p> <p>3. Bảo quản: 4-8 độ C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Hộp 5 khay, mỗi khay 50 khoanh	1									

Phần STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá									
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (đư kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá		
3	22	Khoanh giấy tằm kháng sinh Kanamycin 30µg	1. Mục đích sử dụng: dùng để xác định đặc tính kháng kháng sinh của vi khuẩn 2. Mô tả: Khoanh giấy tằm kháng sinh Kanamycin nồng độ 30µg dùng trong xét nghiệm kháng sinh đồ 3. Bảo quản: -20°C đến 8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 5 khay, mỗi khay 50 khoanh	1										
3	23	Khoanh giấy tằm kháng sinh Levofloxacin	1. Mục đích sử dụng: dùng để xác định đặc tính kháng kháng sinh của vi khuẩn 2. Mô tả: Khoanh giấy tằm kháng sinh Levofloxacin dùng trong xét nghiệm kháng sinh đồ 3. Bảo quản: 4-8 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 5 khay, mỗi khay 50 khoanh	1										
3	24	Khoanh giấy tằm kháng sinh Nitrofurantoin 300µg	1. Mục đích sử dụng: dùng để xác định đặc tính kháng kháng sinh của vi khuẩn 2. Mô tả: Khoanh giấy tằm kháng sinh Nitrofurantoin nồng độ 300µg dùng trong xét nghiệm kháng sinh đồ 3. Bảo quản: -20°C đến 8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 5 khay, mỗi khay 50 khoanh	1										
3	25	Khoanh giấy tằm kháng sinh Tetracycline	1. Mục đích sử dụng: dùng để xác định đặc tính kháng kháng sinh của vi khuẩn 2. Mô tả: Khoanh giấy tằm kháng sinh Tetracycline dùng trong xét nghiệm kháng sinh đồ 3. Bảo quản: 4-8 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 5 khay, mỗi khay 50 khoanh	1										
3	26	Canh thang Brain Heart Infusion	1. Mục đích: sử dụng để nuôi cấy vi khuẩn 2. Thành phần: bột thạch giàu dinh dưỡng cho tăng sinh VK 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 500g	1										

		Thông tin mời chào giá					Thông tin chào giá							
Phần	STT	Tên hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
3	27	Canh thang Tryticase Soy Broth	<ul style="list-style-type: none"> 1. Mục đích: sử dụng để nuôi cấy vi khuẩn 2. Thành phần: bột thạch giàu dinh dưỡng cho tăng sinh VK 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng 	Hộp 500g	1									
3	28	Môi trường canh thang	<ul style="list-style-type: none"> 1. Mục đích: Pha môi trường canh thang chọn lọc 2. Mô tả: Môi trường nuôi cấy dạng bột, phù hợp với nuôi cấy Salmonella 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. hạn sử dụng: ≥ 6 tháng 	Hộp 500g	1									
3	29	Môi trường canh thang não tim	<ul style="list-style-type: none"> 1. Mục đích: Tăng sinh, nuôi cấy vi khuẩn 2. Mô tả: Môi trường dạng bột, không bị vón cục. 3. Bảo quản: 15-25 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng 	Hộp 500 g	1									
3	30	Môi trường Dey Engley Neutralizing Broth	<ul style="list-style-type: none"> 1. Mục đích: môi trường trung hòa phản ứng 2. Mô tả: thành phần (agar, peptone, D-glucose) 3. Bảo quản: nhiệt độ 10-25°C, tránh ánh sáng, ẩm 4. hạn sử dụng: ≥6 tháng 	Hộp 500g	2									
3	31	Môi trường dinh dưỡng EMJH	<ul style="list-style-type: none"> 1. Mục đích: Nuôi cấy vi khuẩn Leptospira 2. Mô tả: thành phần gồm môi trường nhiều thành phần giàu dinh dưỡng, dạng dung dịch 3. Bảo quản: 2-8 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng 	Chai 100ml	1									

Phân STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá							
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
3	32	Môi trường nuôi cấy tế bào dạng bột 1. Mục đích sử dụng: sử dụng cho nuôi cấy tế bào trong nghiên cứu và sản xuất 2. Thành phần - Minimum Essential Medium (MEM) có bổ sung muối Earle's để nuôi tế bào trong đk có CO2 - Bổ sung L-glutamine; Phenol Red - Không có các proteins, lipids, hoặc yếu tố tăng trưởng. - Pha được 10 Lit môi trường 3. Bảo quản: 2-8°C, tránh ánh sáng 4. Hạn sử dụng: > 6 tháng	hộp 10 gói, mỗi gói 1 lit	1									
3	33	Môi trường nuôi tế bào côn trùng dạng bột 1. Mục đích: môi trường nuôi tế bào côn trùng 2: Mô tả: Dạng bột, bao gồm Glutamin, không chứa HEPES, không Yeastolate, không Sodium bicarbonate. Số lượng: 10*1L 3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	hộp 10 lọ	7									
3	34	Môi trường thạch Charcoal 1. Mục đích: Nuôi cấy vi khuẩn ho gà 2. Mô tả: Thành phần gồm môi trường dạng bột Charcoal Agar, không vón cục 3. Bảo quản: 15-25 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 500g	1									
3	35	Môi trường thạch LB 1. Mục đích: Môi trường nuôi cấy vi sinh vật 2. Mô tả: Môi trường nuôi cấy dạng bột, phù hợp với nuôi cấy Vi khuẩn 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 500g	1									
3	36	Môi trường thạch XLD 1. Mục đích: Môi trường nuôi cấy vi sinh vật 2. Mô tả: Môi trường nuôi cấy dạng bột, phù hợp với nuôi cấy Salmonella 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 500g	1									

Phần	STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá							
			Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
3	37	Thạch Mueller Hinton	<p>Cấu hình tính năng kỹ thuật</p> <ol style="list-style-type: none"> Mục đích: sử dụng để nuôi cấy vi khuẩn trong thử nghiệm xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn Thành phần: bột thạch giàu dinh dưỡng cho tăng sinh VK Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng 	Hộp 500g	2									
3	38	Thạch Brain Heart Infusion	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: Môi trường giàu dinh dưỡng nuôi cấy vi khuẩn Mô tả: dạng hạt. Màu sắc: Màu kem đến màu vàng. Độ tan 52g/l. PH =7.20-7.60. Có kèm COA và MSDS Có kèm COA và MSDS Bảo quản: 15-25°C Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng. 	Hộp 500g	1									
3	39	Thạch Brain Heart Infusion Agar	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: sử dụng để nuôi cấy vi khuẩn Thành phần: bột thạch giàu dinh dưỡng cho tăng sinh VK Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng 	Hộp 500g	1									
3	40	Thạch MacConkey	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích sử dụng: Dùng trong nuôi cấy phân lập vi khuẩn đường ruột Mô tả: Bột thạch MacConkey dinh dưỡng có chứa lactose để nuôi cấy vi khuẩn đường ruột Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng 	Hộp 500g	1									
3	41	Thạch Saboraud	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: thành phần trong việc nuôi cấy nấm Mô tả: thành phần (agar, peptone, D-glucose) Bảo quản: nhiệt độ 10-25°C, tránh ánh sáng, ẩm hạn sử dụng: ≥ 6 tháng 	Hộp 500g	1									

Phần	STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá										
			Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá			
	3	Thạch Trypticae Soy Agar	<p>1. Mục đích: sử dụng để nuôi cấy vi khuẩn</p> <p>2. Thành phần: bột thạch giàu dinh dưỡng cho tăng sinh VK</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: \geq 6 tháng</p>	Hộp 500g	1												
	43	Môi trường vận chuyển Ameis	<p>1. Mục đích: Lấy và vận chuyển mẫu bệnh phẩm để chẩn đoán vi khuẩn gây bệnh Ho gà</p> <p>2. Mô tả: thành phần gồm: môi trường Ameis Gel W/Charcoal trong ống nhựa có que lấy mẫu kèm theo</p> <p>3. Bảo quản: 4-8 độ C</p> <p>4. Hạn sử dụng: \geq 6 tháng</p>	Túi 50 cái	4												
	3	Môi trường vận chuyển Cary Blair	<p>1. Mục đích: Lấy và vận chuyển mẫu bệnh phẩm của vi khuẩn gây bệnh</p> <p>2. Mô tả: môi trường Cary Blair trong ống nhựa có que lấy mẫu kèm theo</p> <p>3. Bảo quản: 4 -8 độ C</p> <p>4. Hạn sử dụng: \geq 6 tháng</p>	Túi 20 cái	10												
	3	3 45 Chủng chuẩn Acinomyces ATCC® 17929	<p>1. Mục đích: chứng chuẩn cho quy trình xét nghiệm.</p> <p>2. Mô tả: Chủng chuẩn có dạng viên đông khô. Môi trường lưu trữ được chuẩn bị cùng với một chủng vi sinh vật dùng kiểm tra tra chất lượng môi trường nuôi cấy, thuốc nhuộm, kit chẩn đoán và các thuốc thử. Mỗi chủng chuẩn đông khô có đôi thẻ hệ FI-F3. Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/QT: DIN ISO, CE</p> <p>3. Bảo quản: 2°C đến 8°C.</p> <p>4. Hạn sử dụng: \geq 6 tháng</p>	Hộp 5 viên	1												

Phân STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá					Thông tin chào giá					
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng
3	Chủng chuẩn Bacillus astrophaeus ATCC 9372	<p>1. Mục đích: chứng chuẩn cho quy trình xét nghiệm.</p> <p>2. Mô tả: Chủng chuẩn có dạng viên đông khô. Môi trường lưu trữ được chuẩn bị cùng với một chủng vi sinh vật dùng kiểm tra chất lượng môi trường nuôi cấy, thuốc nhuộm, kit chẩn đoán và các thuốc thử. Mỗi chủng chuẩn đông khô có đời thế hệ F1-F3.</p> <p>3. Bảo quản: 2°C đến 8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Hộp 6 viên	1								
3	Chủng chuẩn Geobacillus stearothermophilus ATCC® 7953	<p>1. Mục đích: chứng chuẩn cho quy trình xét nghiệm.</p> <p>2. Mô tả: Chủng chuẩn có dạng viên đông khô. Môi trường lưu trữ được chuẩn bị cùng với một chủng vi sinh vật dùng kiểm tra chất lượng môi trường nuôi cấy, thuốc nhuộm, kit chẩn đoán và các thuốc thử. Mỗi chủng chuẩn đông khô có đời thế hệ F1-F3. Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE</p> <p>3. Bảo quản: 2°C đến 8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Hộp 5 viên	1								
3	Chủng chuẩn Shigella flexneri ATCC® 12022	<p>1. Mục đích: chứng chuẩn cho quy trình xét nghiệm</p> <p>2. Mô tả: Chủng chuẩn có dạng viên đông khô. Môi trường lưu trữ được chuẩn bị cùng với một chủng vi sinh vật dùng kiểm tra chất lượng môi trường nuôi cấy, thuốc nhuộm, kit chẩn đoán và các thuốc thử. Đóng gói: Hộp/5 viên. Tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu/G7: DIN ISO, CE.</p> <p>- Mỗi chủng chuẩn đông khô có đời thế hệ F1-F3</p> <p>3. Bảo quản: 2°C đến 8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Hộp 5 viên	1								

Phần STT	Tên hàng hóa	Thông tin mới chào giá					Thông tin chào giá						
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dư kiện)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
3	49	Chủng vi khuẩn <i>Bordetella pertussis</i> ATCC 9340	1. Mục đích: Có chủng chuẩn quốc tế để làm chứng dương 2. Mô tả: Chủng vi khuẩn Bordetella pertussis ATCC 9340 là chủng quốc tế ở dạng đông khô 3. Bảo quản: 2-8 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Túi 5 ống	1								
3	50	Chủng vi khuẩn <i>Corynebacterium diphtheriae</i> NCTC 10648	1. Mục đích: Có chủng chuẩn quốc tế để làm chứng dương 2. Mô tả: Chủng vi khuẩn Corynebacterium diphtheriae NCTC 10648 là chủng quốc tế ở dạng đông khô 3. Bảo quản: 4-10 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Ống	1								
3	51	Dung dịch chuẩn PH = 10.01	1. Mục đích: Đo PH môi trường 2. Mô tả: Chai nhựa 500ml dạng nước. Màu hồng. Có kèm COA và MSDS 3. Bảo quản: 15-25°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng.	Chai 500 mL	2								
3	52	Dung dịch chuẩn PH = 4.01	1. Mục đích: Đo PH môi trường 2. Mô tả: Chai nhựa 500ml dạng nước. Màu hồng. Có kèm COA và MSDS 3. Bảo quản: 15-25°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng.	Chai 500 mL	2								
3	53	Dung dịch chuẩn PH = 7.01	1. Mục đích: Đo PH môi trường 2. Mô tả: Chai nhựa 500ml dạng nước. Màu vàng. Có kèm COA và MSDS 3. Bảo quản: 15-25°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng.	Chai 500 mL	2								

Bui Huy Quang

Q

Phần STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá					Thông tin chào giá						
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
3	Dung dịch đệm muối phosphate	<p>1. Mục đích sử dụng: sử dụng trong quy trình nuôi cấy tế bào cho phân lập vi rút.</p> <p>2. Thành phần:</p> <p>- Muối phosphate, dạng dung dịch, pH: 7,2-7,6, vô trùng, thích hợp cho nuôi cấy tế bào, hàm lượng nội độc tố $\leq 1.0\text{EU/ml}$</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 2 - 8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Chai 500ml	2									
3	Dung dịch Dimethyl sulfoxide	<p>1. Mục đích; Bảo quản tế bào trong môi trường nitơ lỏng</p> <p>2. Mô tả: dạng lỏng, khan, mật độ hơi: 2.7; áp suất hơi: 0.42mmHg; assay $>=99\%$, nhiệt độ tự đánh lửa 573oF</p> <p>3. Bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	100ml	1									
3	Dung dịch Sodium Hypochlorite sát khuẩn bề mặt (NACLO)	<p>1. Mục đích: Dùng để sát khuẩn bề mặt khu vực làm thí nghiệm</p> <p>2. Thành phần: chất tẩy, rửa, dạng dung dịch nồng độ 4-4,99%</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Chai 500ml	6									
3	Huyết thanh bào thai bê	<p>1. Mục đích: Làm môi trường nuôi cấy tế bào</p> <p>2. Thành phần:</p> <p>- Mức Hemoglobin: $\leq 15\text{mg / dL}$.</p> <p>↑ Mức độ nội độc tố: $\leq 5\text{ EU / mL}$</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: $\leq -10^\circ\text{C}$</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Chai 500 ml	1									
3	Huyết thanh bào thai bê bất hoạt nhiệt	<p>1. Mục đích: Nuôi cấy tế bào</p> <p>2. Mô tả: thể tích 500ml, dạng lỏng, bất hoạt nhiệt</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: -40°C đến -10°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	500 ml	1									

Phần	STT	Tên hàng hóa	Thông tin môi chào giá				Thông tin chào giá							
			Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (đầy kiện)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
3	59	Kháng huyết thanh E.coli polyvalent 1	1. Mục đích: chất khử, kháng huyết thanh định danh vi khuẩn E.coli poly 1 2. Mô tả: đóng gói 2ml/lọ 3. Bảo quản: 2-8°C 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng	Lọ 2ml	1									
3	60	Kháng huyết thanh E.coli polyvalent 2	1. Mục đích: chất khử, kháng huyết thanh định danh vi khuẩn E.coli poly 2 2. Mô tả: đóng gói 2ml/lọ 3. Bảo quản: 2-8°C 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng	Lọ 2ml	1									
3	61	Kháng huyết thanh E.coli polyvalent 3	1. Mục đích: chất khử, kháng huyết thanh định danh vi khuẩn E.coli poly 3 2. Mô tả: đóng gói 2ml/lọ 3. Bảo quản: 2-8°C 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng	Lọ 2ml	1									
3	62	Kháng huyết thanh E.coli polyvalent 4	1. Mục đích: chất khử, kháng huyết thanh định danh vi khuẩn E.coli poly 4 2. Mô tả: đóng gói 2ml/lọ 3. Bảo quản: 2-8°C 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng	Lọ 2ml	1									
3	63	Kháng huyết thanh E.coli polyvalent 5	1. Mục đích: chất khử, kháng huyết thanh định danh vi khuẩn E.coli poly 5 2. Mô tả: đóng gói 2ml/lọ 3. Bảo quản: 2-8°C 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng	Lọ 2ml	1									
3	64	Kháng huyết thanh E.coli polyvalent 6	1. Mục đích: chất khử, kháng huyết thanh định danh vi khuẩn E.coli poly 6 2. Mô tả: đóng gói 2ml/lọ 3. Bảo quản: 2-8°C 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng	Lọ 2ml	1									

		Thông tin mời chào giá					Thông tin chào giá						
Phần STT	Tên hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
3	Kháng huyết thanh E.coli polyvalent 7	1. Mục đích: chất khử, kháng huyết thanh định danh vi khuẩn E.coli poly 7 2. Mô tả: đóng gói 2ml/lọ 3. Bảo quản: 2-8°C 4. hạn sử dụng: ≥6 tháng	Lọ 2ml	1									
3	Kháng huyết thanh E.coli polyvalent 8	1. Mục đích: chất khử, kháng huyết thanh định danh vi khuẩn E.coli poly 8 2. Mô tả: đóng gói 2ml/lọ 3. Bảo quản: 2-8°C 4. hạn sử dụng: ≥6 tháng	Lọ 2ml	1									
3	Kháng huyết thanh Salmonella polyvalent 0	1. Mục đích: kháng huyết thanh định danh vi khuẩn Salmonella nhóm O 2. Mô tả: đóng gói 3ml/lọ 3. Bảo quản: 2-8°C 4. hạn sử dụng: ≥6 tháng	lọ 3ml	1									
3	Kháng huyết thanh Salmonella polyvalent H	1. Mục đích: chất khử, kháng huyết thanh định danh vi khuẩn Salmonella nhóm H 2. Mô tả: đóng gói 3ml/lọ 3. Bảo quản: 2-8°C 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng	lọ 3ml	1									
3	Kháng huyết thanh Shigella flexneri	1. Mục đích: chất khử, kháng huyết thanh định danh vi khuẩn Shigella nhóm B 2. Mô tả: đóng gói 2ml/lọ 3. Bảo quản: 2-8°C 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng	lọ 2ml	1									
3	Kháng huyết thanh Shigella sonnei	1. Mục đích: chất khử, kháng huyết thanh định danh vi khuẩn Shigella nhóm D 2. Mô tả: đóng gói 2ml/lọ 3. Bảo quản: 2-8°C 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng	lọ 2ml	1									

Phân STT	Tên hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Thông tin mới chào giá				Thông tin chào giá								
			Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (đầy kiện)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá		
3	71	Kháng huyết thanh tả Vibrio cholerae 01	Lọ 2ml	1											
3	72	Kháng huyết thanh tả Vibrio cholerae 0139	lọ 2ml	2											
3	73	Máu cừu	Chai 500ml	4											
3	74	Thuốc nhuộm đỏ	Lọ 100g	1											
3	75	Thuốc thử Uranyl acetate	Lọ 25g	1											

Phần 4. Các hoá chất xúc tác cho hoạt động xét nghiệm nhóm vi khuẩn kỵ khí: gồm 07 danh mục

10.92.1
phuong.nh
10.92.1

Thông tin mời chào giá		Thông tin chào giá											
Phần STT	Tên hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
4	Chất xúc tác khử oxy dùng trong hệ thống nuôi cấy vi sinh vật kỵ khí	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích sử dụng: Tạo môi trường thiếu oxy trong buồng làm việc tủ kỵ khí Thông số kỹ thuật: Catalyst là chất xúc tác cho phản ứng giữa oxy và hydro Bảo quản: nhiệt độ phòng Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng 	Gói	1									
4	Gói khử mùi và xúc tác khí trường kỵ khí dùng trong hệ thống nuôi cấy vi sinh vật kỵ khí	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: khử mùi và xúc tác khí trường kỵ khí Thông số kỹ thuật: Gói Detox chứa các chất có khả năng hấp phụ các chất hữu cơ dễ bay hơi có mùi hôi thối khó chịu, cải thiện chất lượng không khí trong buồng nuôi cấy của tủ kỵ khí. Bảo quản: nhiệt độ phòng Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng 	Gói	1									
4	Bình khí hỗn hợp dùng cho tủ nuôi cấy kỵ khí	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: cung cấp hỗn hợp khí dùng cho tủ nuôi cấy kỵ khí Thông số kỹ thuật: 90% khí CO2 và 10% khí Hydro Bảo quản: nhiệt độ phòng Hạn sử dụng: Không áp dụng 	Bình	2									
4	Bình khí nitơ dùng cho tủ nuôi cấy kỵ khí	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: cung cấp khí Nitơ cho tủ nuôi cấy kỵ khí Thông số kỹ thuật: 100% khí N2 Hạn sử dụng: Không áp dụng Bảo quản: nhiệt độ phòng 	Bình	4									
4	Cổ tay áo cho hệ thống nuôi cấy vi sinh vật kỵ khí	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: Cổ tay áo làm bằng chất liệu silicon mềm dẻo. Dùng để nẹp chặt ống tay áo vào tay người thao tác với buồng nuôi cấy kỵ khí, để không làm ảnh hưởng đến chất lượng khí trường bên trong, gồm 2 nẹp cổ tay bên trái và bên phải Thông số kỹ thuật: sản phẩm làm bằng chất liệu silicon mềm dẻo Bảo quản: nhiệt độ phòng Hạn sử dụng: Không áp dụng 	Cái	1									

		Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá								
Phân	STT	Tên hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (đơn kiện)	Số lượng	Hạng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
	4	Ông tay áo cho hệ thống nuôi cấy vi sinh vật kỵ khí	1. Mục đích: Dùng để thao tác trong buồng nuôi cấy kỵ khí mà không làm ảnh hưởng đến chất lượng khí trường bên trong, gồm 2 ống tay áo bên trái và bên phải 2. Thông số kỹ thuật: bằng chất liệu không thấm nước, không thấm khí 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: Không áp dụng	Bộ	1									
	4	Túi tạo khí Campygen	1. Mục đích: Nuôi cấy H.pylori 2. Mô tả: Thành phần gồm các khí để nuôi cấy vi khuẩn 3. Bảo quản: 15-25 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng	Hộp 10 túi	2									
Phần 5. Vật tư tiêu hao dùng trong phòng thí nghiệm: gồm 55 danh mục														
	5	1 Đĩa nuôi cấy 12 giếng	1. Mục đích: Sử dụng trong nuôi cấy tế bào 2. Mô tả: Đĩa nuôi cấy tế bào được sản xuất từ 100% polystyrene nguyên chất với độ trong suốt cao, đáy phẳng, tròn, diện tích nuôi cấy 3.8cm ² , kích thước 127.8x85.5x22.6mm, thể tích mỗi giếng 3.9ml, tiết trùng, đã xử lý bề mặt. Đóng gói mỗi cái 1 túi, có nắp 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: không áp dụng	Thùng 50 chiếc	1									
	5	2 Đĩa nuôi cấy 24 giếng	1. Mục đích: Sử dụng trong nuôi cấy tế bào 2. Mô tả: Đĩa nuôi cấy tế bào được sản xuất từ 100% polystyrene nguyên chất với độ trong suốt cao, đáy phẳng, tròn, diện tích nuôi cấy 1.9cm ² , kích thước 127.8x85.5x22.6mm, thể tích mỗi giếng 3.4ml, tiết trùng, đã xử lý bề mặt. Đóng gói mỗi cái 1 túi, có nắp 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: không áp dụng	Thùng 50 chiếc	1									

		Thông tin mời chào giá					Thông tin chào giá						
Phần STT	Tên hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
5	Đĩa nuôi cấy 48 giếng	<p>1. Mục đích: Lưu chủng vi sinh</p> <p>2. Mô tả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: PP - Kích thước: 86 x 128mm - Số giếng: 48 - Đáy bằng, có nắp, màu sắc trong suốt, có đánh số thứ tự các vị trí - Đã tiệt trùng <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: \geq 12 tháng</p>	Thùng 50 chiếc	2									
5	Đĩa nuôi cấy 6 giếng	<p>1. Mục đích: Sử dụng trong nuôi cấy tế bào</p> <p>2. Mô tả: Đĩa nuôi cấy tế bào được sản xuất từ 100% polystyrene nguyên chất với độ trong suốt cao, đáy phẳng, tròn, gồm 6 giếng, diện tích nuôi cấy 9.5cm², đường kính 34.8mm, thể tích mỗi giếng 16.8ml, tiệt trùng, đã xử lý bề mặt. Đóng gói mỗi cái 1 túi, có nắp</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: không áp dụng</p>	Thùng 50 chiếc	1									
5	Đĩa nuôi cấy 96 giếng	<p>1: Mục đích sử dụng: pha loãng mẫu, pha loãng bệnh phẩm, nuôi cấy tế bào, phân lập vi rút.</p> <p>2. Mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng giếng: 96 giếng, đáy bằng - Được xử lý bề mặt để tăng cường gắn kết tế bào - Tiệt trùng bằng chiếu xạ gamma và chứng nhận nonpyrogenic - Nắp kín, đóng gói riêng từng chiếc <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: \geq 12 tháng.</p>	Thùng 50 chiếc	2									

Phân	STT	Tên hàng hóa	Thông tin môi chào giá				Thông tin chào giá								
			Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (đơn kiện)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá	
5	6	Đĩa petri nhựa 90 mm	1. Mục đích sử dụng: Dùng để đổ môi trường nuôi cấy phân lập vi khuẩn trong nghiên cứu 2. Mô tả: Đĩa nhựa dùng để nuôi cấy, phân lập vi khuẩn - Vật liệu: nhựa - Đường kính: 90 mm - Đã tiệt trùng 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Thùng 500 chiếc	12										
5	7	Màng bọc đĩa petri	1. Mục đích: Bọc quanh đĩa petri chống bay hơi nước 2. Mô tả: Cuộn 33m, màu trắng, chất liệu co giãn, chống thấm nước và chịu được hóa chất 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: Không áp dụng	Cuộn 33m	2										
5	8	Bình lọc tiệt trùng	1. Mục đích: Lọc tiệt trùng môi trường nuôi cấy tế bào sau khi pha 2. Mô tả: Thẻ tích bình lọc 500 ml, kích thước màng lọc 0,22 μ m, màng polyethersulfone, đóng gói 12, tiệt trùng 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: không áp dụng	hộp 12 chiếc	1										
5	9	Bình tam giác thủy tinh 1000 ml	1. Mục đích sử dụng: Dùng để pha môi trường nuôi cấy vi khuẩn 2. Mô tả: Bình tam giác thể tích 1000ml, có thể hấp tiệt trùng, Thành phần: thủy tinh 3. Nhiệt độ bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: không áp dụng	Chiếc	5										
5	10	Bình tam giác thủy tinh 500 ml	1. Mục đích sử dụng: Dùng để pha môi trường nuôi cấy vi khuẩn 2. Mô tả: Bình tam giác thể tích 500ml, có thể hấp tiệt trùng, Thành phần: thủy tinh 3. Nhiệt độ bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: không áp dụng	Chiếc	5										

Phần STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá					Thông tin chào giá					
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng
5	Chai nuôi cấy tế bào 25cm ²	<p>1. Mục đích sử dụng: sử dụng để nuôi cấy tế bào và phân lập vi rút</p> <p>2. Mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích tăng trưởng 25cm² - Được xử lý bề mặt để tăng cường gắn kết tế bào - Tiết trùng bằng chiếu xạ gamma và chứng nhận nonpyrogenic - Nắp kín, màu cam <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng.</p>	Thùng 500 chiếc	1								
5	Cốc đong 1000mL	<p>1. Mục đích: Đong đo lường thể tích dung dịch</p> <p>2. Mô tả: Thê tích đưng 1000mL, chất liệu thủy tinh trong suốt thành dày, có thang chia vạch, có mỏ</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: Không áp dụng</p>	cốc	3								
5	Cốc đong 2000mL	<p>1. Mục đích: Đong đo lường thể tích dung dịch</p> <p>2. Mô tả: Thê tích đưng 2000mL, chất liệu thủy tinh trong suốt thành dày, có thang chia vạch, có mỏ</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: Không áp dụng</p>	cốc	3								
5	Dải 8 ống 1.2ml pha loãng mẫu	<p>1. Mục đích sử dụng: dùng để pha loãng mẫu</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dải tủyp thể tích 1,2 ml, - Dạng 8 ống/dây (8 tủyp/1 thanh) - Tủyp làm bằng nhựa Polypropylene <p>3. Bảo quản: 20-25°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Hộp 120 dải	1								

Phần	STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá							
			Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (đơn kiện)	Số lượng	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
			<p>1. Mục đích: Dùng trong các kỹ thuật sinh học phân tử như PCR</p> <p>2. Mô tả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: nhựa Polypropylen - Thẻ tích 0,2ml - Dai 8 ống, bộ 125 dài - Không chứa Dnase/Rnase và nội độc tố - Màu trắng, nắp phẳng rời <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Hộp 125 dài	2									
5	15	Dai 8 ống PCR 0,2ml loại 125 dài	<p>1. Mục đích sử dụng: Tube PCR 0,2ml, nắp phẳng dùng để đựng mẫu chuẩn bị cho quá trình PCR</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dai tuýp PCR thể tích 0.2 ml - Dạng 8 ống/dây (8 tuýp/1 thanh) - Nắp phẳng liền ống 8 nắp/dây - Tuýp làm bằng nhựa Polypropylene <p>3. Bảo quản: 20-25°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Hộp 120 dài	13									
5	17	Dầu côn có lọc 10µl	<p>1. Mục đích: Dùng để hút mẫu, hóa chất trong kỹ thuật xét nghiệm</p> <p>2. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dầu côn làm bằng nhựa, tiết trùng, thể tích hút tối đa 10µl - Màng lọc kỵ nước, trơ, có khả năng ngăn cản nhiễm dịch vào đầu pipet. - Không chứa Dnase/Rnase, Human DNA, pyrogenic, PCR inhibitors 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng 	Thùng 960 chiếc	11									

Phần STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá							
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
5	Đầu côn có lọc 20µl	<p>1. Mục đích: Dùng để hút mẫu, hóa chất trong kỹ thuật xét nghiệm</p> <p>2. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu côn có lọc dạng dài tiết trùng thể tích hút tối đa 20ul, tiết trùng - Màng lọc kỹ nước, trơ, có khả năng ngăn cản nhiễm dịch vào đầu pipet. - Tương thích với nhiều loại pipet - Không chứa Dnase/Rnase, Human DNA, pyrogenic, PCR inhibitors <p>3. Bảo quản nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Thùng 960 chiếc	11									
5	Đầu côn có lọc 200µl	<p>1. Mô tả: Đầu côn có lọc thể tích 1-200 µl</p> <p>2. Mô tả: Đầu côn có lọc thể tích 1-200µl. Đầu tip có độ bám dính thấp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không chứa Dnase/Rnase/ Protease/ATP. - Không chứa độc tố gây sốt, nội độc tố - Đã khử trùng (Sterile) <p>3. Nhiệt độ bảo quản: nhiệt độ phòng.</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Thùng 960 chiếc	7									
5	Đầu côn có lọc 1000µl	<p>1. Mục đích sử dụng: Dùng để hút một lượng hóa chất sinh phẩm hoặc mẫu với thể tích nhỏ, độ chính xác cao</p> <p>2. Mô tả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu côn có lọc, thể tích tthể tích từ 200 microlit đến 1000 microlit, tiết trùng - Phù hợp với các loại pipetman thông dụng - Không chứa DNA/Dnase/Rnase/ Protease/ATP, - Không chứa độc tố gây sốt, nội độc tố - Chứng nhận hàm lượng kim loại dạng vết cực thấp <p>3, Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4, Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Thùng 960 chiếc	4									

Phân	STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá								
			Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (đầy kiện)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá	
			<p>1. Mục đích: Hút dung dịch có lượng thể tích từ 200 microlit đến 1000 microlit</p> <p>2. Mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đóng gói trong túi polyethylene - Màu tự nhiên, - Thể tích tối đa 1000 microlit - Có vạch xác định thể tích tương đối, hút dịch nhớt tốt. 3. Nhiệt độ bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: không áp dụng 	Túi 1000 chiếc	7										
5	22	Đầu côn không lọc 10ul	<p>1. Mục đích: Hút dung dịch</p> <p>2. Mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu nhựa PP - Đầu côn không lọc, thể tích hút tối đa 10µL, - Phù hợp với các loại pipetman thông dụng - Không chứa DNA/Dnase/Rnase/ Protease/ATP 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: không áp dụng 	Túi 1000 cái	2										
5	23	Đầu côn không lọc 200 µl	<p>1. Mục đích: thực hiện hút mẫu/dung dịch.</p> <p>2. Mô tả: Đầu côn không lọc, thể tích 200µL.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với các loại pipetman thông dụng - Không chứa DNA/Dnase/Rnase/ Protease/ATP. - Không chứa độc tố gây sốt, nội độc tố 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: không áp dụng 	Túi 1000 chiếc	23										
5	24	Hộp đựng mẫu 100 vị trí	<p>1. Mục đích sử dụng: Trữ tube đựng mẫu</p> <p>2. Mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộp 10x10 giếng, dành cho tube 2ml - Thành phần: Bia/ giấy carton cần nylon chống ẩm 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: Không áp dụng 	Hộp	100										

		Thông tin mời chào giá					Thông tin chào giá						
Phần STT	Tên hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
5	Hộp đựng mẫu 81 vị trí	<p>1. Mục đích sử dụng: Dùng để lưu mẫu trong điều kiện nhiệt độ âm sâu (-80C)</p> <p>Mô tả: Hộp lưu trữ 81 vị trí được thiết kế để chứa các ống 1,5-2ml, có thể hấp tiệt trùng</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộp đựng mẫu 9x9 (81 vị trí) - Bảng giấy Cardboard, <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥12 tháng</p>	Thùng 40 hộp	2									
5	Ống 2 ml đáy nhọn, có nắp	<p>1. Mục đích sử dụng: dùng để thu hồi ARN của vi rút sau tách chiết vật liệu di truyền; lưu giữ mẫu...</p> <p>2. Mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ống ly tâm dành cho máy ly tâm nhỏ thể tích 2.0ml với nắp kín khí liên thân - Không tiệt trùng - Chịu được tốc độ ly tâm lên đến 17000 rpm - Không chứa Dnase/Rnase - Nắp phẳng - Chất liệu với độ bám dính thấp, màu trong - Vạch chia độ bên ngoài - Đáy nhọn <p>2. Bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng.</p>	Thùng 1000 cái	2									

Phần STT	Tên hàng hóa	Thông tin môi chào giá				Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá	
5	27	Ông 2ml đầy tròn có nắp	Thùng 500 cái	1										
		<p>1: Mục đích sử dụng: lưu giữ mẫu bệnh phẩm hoặc chủng vi rút trong nhiệt độ âm sâu (từ -80 hoặc Nito lỏng).</p> <p>2. Mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ông ly tầm thể tích 2ml đầy tròn, tự đứng - Tiệt trùng - Chịu được tốc độ ly tâm lên đến 17000 rpm - Không chứa Dnase/Rnase - Nắp xoáy ngoài, màu cam - Chịu được nhiệt độ -196°C - Vạch chia độ bên ngoài <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng.</p>												
5	28	Ông ly tầm 1,5 ml	Thùng 500 chiếc	5										
		<p>1. Mục đích sử dụng: Sử dụng để pha các hỗn hợp phân tửng hoặc dùng để tách chiết DNA mẫu vi khuẩn</p> <p>2. Mô tả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: nhựa Polypropylen - Thể tích 1,5ml - Chịu lực ly tâm - Trong suốt, đáy nhọn, nắp bất, có vạch chia - Không chứa Dnase/Rnase <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>												
5	29	Ông ly tầm 1,7ml	Thùng 500 chiếc	8										
		<p>1. Mục đích: thực hiện hút mẫu/dung dịch</p> <p>2. Mô tả: Ông 1,7ml, Nhựa Polypropylen, nắp liền.</p> <p>Chịu lực ly tâm 20,000g</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có vạch chia thể tích và nhãn để viết - Đạt chứng chỉ Biosphere® plus (tiệt trùng, không chứa DNA, Dnase/Rnase, PCR inhibitors, ATP & pyrogen/endotoxins) <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>												

		Thông tin mời chào giá					Thông tin chào giá							
Phần STT	Tên hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá	
5	30 Ống ly tâm 2ml	<p>1. Mục đích: thực hiện hút mẫu/dung dịch</p> <p>2. Mô tả: Ống 2,0ml, Nhựa Polypropylen, nắp liền. Chịu lực ly tâm 20,000g</p> <p>- Có vạch chia thể tích và nhãn để viết</p> <p>- Đạt chứng chỉ Biosphere® plus (tiệt trùng, không chứa DNA, Dnase/Rnase, PCR inhibitors, ATP & pyrogen/endotoxins)</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Thùng 500 chiếc	8										
5	31 Ống ly tâm 2ml	<p>1. Mục đích: Đựng dung dịch cần li tâm</p> <p>2. Mô tả</p> <p>- Vật liệu: Nhựa Polypropylen</p> <p>- Thể tích: 2ml</p> <p>- Trong suốt, đáy nhọn, nắp bật, có vạch chia</p> <p>- Không chứa Dnase/Rnase</p> <p>- Chịu lực ly tâm</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Thùng 500 chiếc	10										
5	32 Ống ly tâm 2ml	<p>1. Mục đích sử dụng: Sử dụng để pha các hỗn hợp phản ứng hoặc dùng để tách chiết DNA mẫu vi khuẩn</p> <p>2. Mô tả</p> <p>- Vật liệu: Nhựa Polypropylen</p> <p>- Thể tích 2 ml</p> <p>- Trong suốt, đáy nhọn, nắp bật, có vạch chia</p> <p>- Không chứa Dnase/Rnase</p> <p>- Chịu lực ly tâm</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Thùng 500 chiếc	5										

		Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá								
Phần	STT	Tên hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
			<p>1. Mục đích sử dụng: ống đựng mẫu phân</p> <p>2. Mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - ống 5 ml tự đứng, đáy hình nón, không màu - Vật liệu: polypropylene tinh khiết - Nắp trên, xoắn, màu xanh - Không vô trùng - Không chứa RNase-/DNase và DNA người. - Chia độ. - Khoảng chia độ 1 – 5 ml - Dung tích: 5 ml. - Tên thương mại: Axygen Inc SCT-5ML <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng.</p> <p>4. Hạn sử dụng: Không áp dụng</p>	Thùng 1000 cái	2									
	5	33	Ống 5ml đựng bệnh phẩm											
	5	34	Ống đong chia vạch 1000mL	<p>1. Mục đích: Đong đo lường thể tích dung dịch</p> <p>2. Mô tả: Thể tích đong 1000mL, chất liệu thủy tinh trong suốt thành dày, lớp B có thang chia vạch 10mL thân hình trụ, có mỏ</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: Không áp dụng</p>	ống 1	3								
	5	35	Ống đong chia vạch 500mL	<p>1. Mục đích: Đong đo lường thể tích dung dịch</p> <p>2. Mô tả: Thể tích đong 500mL, chất liệu thủy tinh trong suốt thành dày, lớp A có thang chia vạch 5mL, thân hình trụ, có mỏ</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: Không áp dụng</p>	ống	3								

10:26:10
 2025/04/04 10:26:10
 Bui Huy Bui Huy
 phuong.nhanh_bui_huy@phongtd

Phân	STT	Tên hàng hóa	Thông tin môi chào giá				Thông tin chào giá							
			Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
5	36	Óng ly tâm 50 ml	<p>1. Mục đích: dùng để đựng và ly tâm mẫu khi thực hiện xét nghiệm</p> <p>2. Thông số kỹ thuật: Thể tích tối đa: 50 ml - Lực ly tâm tối đa: 14,000 xg - Có vạch chia thể tích - Đã tiệt trùng - Không chứa nội độc tố, không chứa Rnase và DNase - Vật liệu: nhựa PP/ HDPE</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: Không áp dụng</p>	Thùng 500 chiếc	1									
5	37	Óng nắp xoáy 2mL	<p>1. Mục đích: Lưu chủng vi sinh</p> <p>2. Mô tả - Vật liệu: PP - Thể tích: 2ml - Đáy bằng, nắp xoáy - Đã tiệt trùng - Không chứa Dnase/Rnase</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Túi 500 ống	2									
5	38	Pipet nhựa vô trùng 5ml	<p>1. Mục đích sử dụng - Dùng cho việc hút 1 lượng mẫu nhất định các dung dịch phục vụ cho thí nghiệm</p> <p>2. Mô tả - Chất liệu: Polypropylene, - Tiệt trùng, được bọc riêng lẻ, Không có các thành phần: RNase, DNase Pyrogen, chất ức chế PCR - Thể tích hút 5ml - Độ chính xác $\pm 2\%$</p> <p>3. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p> <p>4. Bảo quản: Ở nhiệt độ phòng</p>	Thùng 200 chiếc	3									

Phần	STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá								
			Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (đủ kiện)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá	
			<p>1. Mục đích: Hút dung dịch</p> <p>2. Mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể tích hút 25ml - Có vạch chia thể tích - Đã tiệt trùng - Vật liệu: PP <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Thùng 200 chiếc	3										
5	39	Pipete nhựa vô trùng 25ml	<p>1. Mục đích: Cây vi khuẩn</p> <p>2. Mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 đầu vòng và 1 đầu thẳng - Màu xanh - Vật liệu: nhựa Polypropylene (PP) - Kích thước: Chiều dài ≥ 195mm - Vòng lấy mẫu: 10ul - Không chứa Dnase/Rnase, Không có DNA người <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: Không áp dụng</p>	túi 10 chiếc	500										
			<p>1. Mục đích: Cây vi khuẩn</p> <p>2. Mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 đầu vòng và 1 đầu thẳng - Màu trắng - Vật liệu: nhựa Polypropylene (PP) - Kích thước: Chiều dài ≥ 195mm - Vòng lấy mẫu: 1ul - Không chứa Dnase/Rnase, Không có DNA người <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: Không áp dụng</p>	túi 10 chiếc	350										
5	42	Que nạo tế bào	<p>1. Mục đích: Sử dụng trong các bước thu hoạch tế bào</p> <p>2. Mô tả: chiều dài đầu lưỡi 3cm, chiều dài tay cầm 39cm, tiệt trùng</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: không áp dụng</p>	hộp 100 chiếc	1										

Phân STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá							
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
5	Găng tay Nitrile tiết trùng không bột size S	<p>1. Mục đích: là một trong số các dụng cụ bảo hộ để bảo vệ bàn tay, tránh nhiễm cho người làm và nhiễm chéo giữa các mẫu.</p> <p>2. Mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm bằng chất liệu nitrile - Dùng một lần - Cỡ S - Tiết trùng bằng Ethylene Oxide <p>- Đơn vị sản xuất đạt ISO 13485 hoặc tương đương</p> <p>3. Nhiệt độ bảo quản: nhiệt độ phòng.</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Thùng 10 hộp/hộp 50 đôi	1									
5	Găng tay y tế không bột size S	<p>1. Mục đích sử dụng: dùng làm thí nghiệm</p> <p>2. Thành phần: Găng tay y tế dùng một lần, không bột, màu trắng, size S-M</p> <p>3. Nhiệt độ bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng.</p>	Hộp 50 đôi	14									
5	Găng tay y tế không bột size M	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho các thao tác sử lý mẫu, phản ứng</p> <p>2. Mô tả: Găng tay không bột, chất liệu cao su</p> <p>3. Bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Hộp 50 đôi	32									
5	Khẩu trang 4 lớp	<p>1. Mục đích: Bảo vệ hệ hô hấp</p> <p>2. Mô tả: Khẩu trang hoạt tính 4 lớp</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng.</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Hộp 50 cái	30									

Phần	STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá							
			Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dư kiện)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
			<p>1. Mục đích: Lọc không khí hít vào khi thực hiện các thử nghiệm sinh học với mức nguy hiểm cấp độ 3 hoặc được cho là nguy hiểm mà chưa rõ tác nhân gây bệnh.</p> <p>2. Mô tả:</p> <p>- Khẩu trang có lọc, lọc ít nhất 95% hạt không khí có đường kính khi động học trung bình là khối lượng 0,3 micromet.</p> <p>- Khẩu trang N95 yêu cầu làm bằng lưới mịn với chất liệu sợi polyme tổng hợp, đặc biệt là vải polypropylen không dệt.</p> <p>3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: > 12 tháng</p>	Hộp 20 chiếc	3									
5	47	Khẩu trang N95	<p>1. Mục đích: Bảo hộ cá nhân (cửa P3)</p> <p>2. Thành phần: Đã diệt trùng bằng khí EO, gác không dệt, màng lọc khuẩn.</p> <p>3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Hộp 50 cái	20									
5	49	Tấm nhôm dán	<p>1. Mục đích: Lá nhôm bọc phiên PCR</p> <p>2. Mô tả: Màng nhôm bọc phiên, không chứa RNase, DNase, đã diệt trùng</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: Không áp dụng</p>	Hộp 100 chiếc	2									
5	50	Con lăn dán màng nhôm	<p>1. Mục đích: Dán lá nhôm lên phiên PCR</p> <p>2. Mô tả: Con lăn cao su cán gỗ dùng dán lá nhôm phiên PCR</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: Không áp dụng</p>	Chiếc	1									
5	51	Giấy bạc	<p>1. Mục đích: Dùng để bọc gói dụng cụ</p> <p>2. Mô tả: Là loại nhôm cán mỏng, chịu được nhiệt độ cao. Kích thước 30cm x 5m</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: Không áp dụng</p>	cuộn	50									

Phân STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá							
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
5	Giấy thấm	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích sử dụng: Giấy thấm sử dụng trong PTN, Thông số kỹ thuật: - dai, không bụi, loại giấy rút - kích thước 330mm x 330 mm Bảo quản : nhiệt độ thường Hạn sử dụng: Không áp dụng 	Túi 100 tờ	100									
5	Lưới đồng	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: Sử dụng cho kính hiển vi điện tử Mô tả: lưới đồng 300 mắt, kích thước mắt 58um, độ dày 19um Bảo quản: không áp dụng Hạn sử dụng: không áp dụng 	Hộp 10 lọ, lọ 100 lưới	2									
5	Mũ đội đầu trong PTN	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: Mũ đội đầu dùng trong PTN Mô tả: Vải không dệt Polypropylen + có dây chun. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng 	Túi 100 cái	50									
5	Vải gạc xô	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: Lọc trùng và đóng nút bông Mô tả: Khổ 90cm, chất vải dệt khít Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng Hạn sử dụng: Không áp dụng 	mét	30									
Phần 6. Hóa chất, vật tư phục vụ công tác khử trùng, khử nhiễm các phòng thí nghiệm: bao gồm 18 danh mục													
6	dung dịch Javen	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: Xử lý nước thải Mô tả: Vàng nhạt, dạng dung dịch lỏng, nóng chảy ở: 18°C, sôi ở: 101°C Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng 	Can 30 lít	2									
6	dung dịch HCl	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: Xử lý chất thải y tế Mô tả: Dạng dung dịch, nồng độ ≥ 36, độ hòa tan trong nước: 725 g / L ở 20 ° C, Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng 	Chai 500ml	10									

Phần	STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá							
			Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (đủ kiện)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
6	3	bột Na ₂ SO ₃	1. Mục đích: Xử lý nước thải 2. Mô tả: Màu trắng, dạng bột 3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng	Chai 500ml	20									
6	4	Bộ quần áo kỹ sư (P. kiểm chuẩn)	1. Mục đích: Bảo hộ cá nhân khi hiệu chuẩn thử nghiệm 2. Mô tả: Chất liệu Kaki Nam Định cao cấp, kiểu pha phối, có túi chéo, màu ghi tối 3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Bộ	6									
6	5	Khẩu trang y tế	1. Mục đích: Bảo hộ cá nhân (của P3) 2. Thành phần: Đã tiệt trùng bằng khí EO, gác không dệt, màng lọc khuẩn. 3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Hộp 50 cái	30									
6	6	Nước giặt	1. Mục đích: Sử dụng làm sạch quần áo bảo hộ 2. Thành phần bao gồm: - Linear Alkylbenzene Sulfonate, Laureth-7 - Được thiết kế phù hợp cho máy giặt cửa trước 3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Túi 3,8 lít	50									
6	7	dung dịch gia ven	1. Mục đích: Sử dụng khử khuẩn quần áo bảo hộ 2. Mô tả: Màu vàng nhạt, dạng dung dịch lỏng, nóng chảy ở 18°C, sôi ở 101°C 3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥6 tháng	Lít	100									
6	8	Nước rửa chén	1. Mục đích: Sử dụng làm sạch dụng cụ thí nghiệm 2. Mô tả: Thành phần Linear Alkylbenzene Sulfonate, Sodium Salt: 13,0%, Sodium lauryl ether sulfate 4,0% 3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Can 4 lít	5									

Phân	STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá							
			Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
6	9	dung dịch NaCl 0,9%	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: Rửa mắt Mô tả: Dung dịch Natri Clorid nồng độ 0,9%, vô trùng Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng 	Lọ 10ml	10									
6	10	Băng vết thương	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: Dùng cho trong y tế Mô tả: Dạng băng vải, kích thước 2x6 cm Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng 	Hộp 102 miếng	3									
6	11	Găng tay y tế không bột cỡ M	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: Bảo hộ cá nhân Mô tả: Chất liệu cao su nitrile nhân tạo, không bột, chưa tiệt trùng, dùng cho cả 2 tay, bề mặt dầu nhờn tay nhám, xe viền cổ tay, màu trắng hoặc có màu, đạt tiêu chuẩn ASTM D6319, EN455 Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng 	Thùng 10 hộp/hộp 50 đôi	3									
6	12	Ống nghiệm	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: Dùng đựng dung dịch xét nghiệm Mô tả: Dạng ống thủy tinh trong, ống hình tròn có đường kính 12cm, chịu được nhiệt độ cao Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng Hạn sử dụng: Không áp dụng 	ống	20,000									
6	13	Bông thấm nước	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: Dùng cho trong y tế Mô tả: Chất liệu sợi bông tự nhiên có độ mịn và độ thấm tốt Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng 	Túi 1kg	2									
6	14	Giấy Abala chịu nhiệt	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: dùng cho việc lót đựng dụng cụ thí nghiệm để hấp sấy tiệt trùng Mô tả: Giấy bia gốm ceramic, chịu nhiệt độ cao; kích thước: 60cmx100cm Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng Hạn sử dụng: Không áp dụng 	tờ	100									

Phần	STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá								
			Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dư kiện)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá	
	6	15	bột NaOH	1. Mục đích: Dùng trong việc khử khuẩn các dụng cụ y tế 2. Mô tả: Dạng tinh thể, màu trắng, không mùi, tan tốt trong nước, pH 6 – 8,4 (dung dịch 5%) Nồng độ $\geq 40\%$ 3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	bao 25kg	4									
	6	16	Dung dịch Axit HCl 36,46%	1. Mục đích: Dùng trong việc khử trùng các dụng cụ y tế 2. Mô tả: Dạng dung dịch, nồng độ 36,46%; độ hòa tan trong nước: 725 g / L ở 20 ° C; trọng lượng phân tử: 36,5 g / mol. 3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	chai 500ml	50									
	6	17	Chỉ thị sinh học cho nổi hấp tiết trùng	1. Mục đích: Dùng cho việc hấp tiết trùng chất thải y tế (dùng để đánh giá hiệu quả của nổi hấp tiết trùng) 2. Mô tả: Độc kết quả ngay với chỉ thị vạch mực mao dẫn trên bậc giấy Tương tác với cả 3 yếu tố tiết trùng (thời gian, nhiệt độ, hơi bão hòa) Phù hợp tiêu chuẩn ISO 11138 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 100 ống	2									
	6	18	Chỉ thị hóa học cho nổi hấp tiết trùng	1. Mục đích: Dùng cho việc hấp tiết trùng chất thải y tế (dùng để đánh giá hiệu quả của nổi hấp tiết trùng) 2. Mô tả: Độc kết quả ngay với chỉ thị vạch mực mao dẫn trên bậc giấy Tương tác với cả 3 yếu tố tiết trùng (thời gian, nhiệt độ, hơi bão hòa) Khoảng nhiệt độ sử dụng: 121-135 độ C Phù hợp tiêu chuẩn ISO 11140-1 Type 5 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 100 thanh	8									

Phân STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá			Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
Phụ lục 4: Sinh phẩm, hóa chất, vật tư nhằm duy trì hệ thống chất lượng các phòng thí nghiệm theo các tiêu chuẩn quản lý chất lượng phục vụ các hoạt động giám sát, phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm tại Viện: gồm 63 danh mục chia thành 04 phần													
Phần 1. Sinh phẩm, hoá chất, vật tư duy trì ISO 15189 của các kỹ thuật sinh học phân tử của các phòng thí nghiệm: gồm 47 danh mục													
1	Kit tách chiết DNA 50 phản ứng	1. Mục đích: Bộ sinh phẩm tách chiết DNA từ vi khuẩn 2. Thành phần: Bacteria gDNA Kit 3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng.	Hộp 50 phản ứng	5									
1	Kit tách chiết RNA/DNA 100 phản ứng	1. Mục đích: tách chiết RNA/ DNA từ các mẫu huyết thanh, huyết tương, dịch cơ thể, dịch nuôi cấy tế bào. 2. Mô tả: Không yêu cầu carrier-RNA, sản phẩm tách có nồng độ và độ tinh sạch cao. Kit sử dụng phương pháp tách cột, không sử dụng chloroform. Ứng dụng cho các phản ứng realtime PCR, xác định tác nhân, tổng hợp cDNA, microarray và northern blotting. 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 06 tháng.	Hộp 100 phản ứng	2									
1	Kit chạy Realtime RT-PCR 1 bước 100 phản ứng	1. Mục đích: khuếch đại một bước mẫu RNA thành DNA sử dụng trong realtime PCR 2. Mô tả: kit bao gồm hỗn hợp enzyme SuperScript III Reverse Transcriptase tổng hợp cDNA và enzyme Plantinum Taq để tổng hợp DNA tăng độ đặc hiệu. Thích hợp với các hệ thống máy realtime khác nhau. Đóng gói 100 phản ứng. 3. Bảo quản: -20°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 100 phản ứng	1									

Phần STT	Tên hàng hóa	Thông tin mới chào giá				Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá	
1	4	Kit tách chiết RNA 250 phần ứng	Hộp 250 phần ứng	3										
		<p>1. Mục đích sử dụng: Tách chiết RNA virus từ nhiều nguồn mẫu khác nhau gồm: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu, dịch nổi tế bào nuôi cấy.</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cột lọc: 250 cột - Ống hứng dịch: 750 chiếc - Dệm ly giải Buffer AVL: 5 chai x 31ml/chai - Dệm rửa Buffer AW1: 98ml - Dệm rửa Buffer AW2: 66ml - Dệm Buffer AVE: 10 ống x 2ml/ống - Carrier RNA: 5 ống x 310ug/ống <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>												
1	5	phần tách DNA dùng cho máy giải trình tự DNA dòng máy 3500/3500xL	Hộp 384 phần ứng	2										
		<p>1. Mô tả: Chất nền phân tách DNA dùng cho máy giải trình tự DNA dòng 3500/3500xL</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ chính xác: 98.5% đến 500 bases (đối với mao quản 36 cm), 98.5% đến 950 bases (đối với mao quản 80 cm) <p>2. Thành phần: 7ml Pop7</p> <p>3. Nhiệt độ bảo quản: 2°C đến 8°C.</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 04 tháng.</p>												
1	6	Kit chạy RT-PCR 1 bước hiệu suất cao	Hộp 100 phần ứng	1										
		<p>1. Mục đích: khuếch đại một bước mẫu RNA thành DNA</p> <p>2. Mô tả: gồm hạt thành phần chính: SuperScript III RT/Platinum Taq High/Fidelity Enzyme Mix và 2X Reaction Mix. Phiên mã ngược thực hiện theo chu trình PCR, có thể thực hiện trên mẫu RNA (đài tới 10 kb) ở các nồng độ từ 1 pg đến 1 µg.</p> <p>3. Bảo quản: -20°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>												

		Thông tin mời chào giá					Thông tin chào giá						
Phần STT	Tên hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
1	Kit chạy Realtime RT-PCR 500 phản ứng	<p>Cấu hình tính năng kỹ thuật</p> <ol style="list-style-type: none"> Mục đích: Bộ sinh phẩm thực hiện phản ứng Realtime RT PCR Thành phần <ul style="list-style-type: none"> - 500 µl SuperScript III/Platinum Taq Mix - 12.5 ml đệm 2X - 2 x 1 ml Magnesium Sulfate (50 mM) - 500 µl ROX Reference Dye (2.5 µM) Điều kiện bảo quản: -20°C Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng 	Hộp 500 phản ứng	2									
1	Enzyme tổng hợp DNA nồng độ thấp	<ol style="list-style-type: none"> Mô tả: Enzym Polymerase sử dụng công nghệ Hot Start dùng trong PCR. Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> - AmpliTaq Gold DNA Polymerase, LD: 250U - 10X PCR Gold Buffer: 1.5mL - 25mM MgCl2: 1.5mL Nhiệt độ bảo quản: -15 đến -30°C Hạn sử dụng: ≥ 06 tháng. 	Hộp 250U	2									
1	Hỗn hợp phản ứng PCR	<ol style="list-style-type: none"> Sử dụng trong phản ứng PCR Mô tả: Bộ kit sẵn sàng sử dụng chứa đầy đủ thành phần của phản ứng PCR, chứa hai thuốc nhuộm (màu xanh và màu vàng) cho phép theo dõi tiến trình trong quá trình điện di. Bảo quản: - 20 độ C, Hạn sử dụng ≥ 6 tháng 	Hộp 100 phản ứng	2									
1	Sinh phẩm tinh sạch cho phản ứng giải trình tự DNA	<ol style="list-style-type: none"> Mô tả: Kit tinh sạch cho phản ứng giải trình tự DNA bằng cách loại bỏ các unincorporated BigDye terminators và muối. Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> - Dung dịch Xterminator: 2 mL - Dung dịch SAM: 9 mL Nhiệt độ bảo quản: 4°C Hạn sử dụng: ≥ 04 tháng. 	Hộp 100 phản ứng	3									

Phần STT	Tên hàng hóa	Thông tin môi chào giá					Thông tin chào giá							
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dư kiện)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá	
1	11	Hỗn hợp phân ứng khuếch đại RT-PCR một bước	Hộp 100 phần ứng	3										
		<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: Khuếch đại 1 bước RNA thành DNA, sử dụng trong RT-PCR. Mô tả: Kit sử dụng hỗn hợp enzyme bao gồm enzyme phiên mã ngược và enzyme Taq DNA. Độ dài đoạn khuếch đại cDNA <14kb, đoạn tổng hợp DNA <1kb. Enzyme có hoạt tính hot start. Đóng gói 100 phần ứng. Bảo quản: -20°C Hạn sử dụng: > 6 tháng 												
1	12	Bộ kit khuếch đại DNA bằng enzyme	Hộp 1000 phần ứng	2										
		<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: Khuếch đại DNA, sử dụng trong PCR Mô tả: Kit sử dụng Taq có hoạt tính Hot Start, độ dài đoạn khuếch đại <1kb. Cung cấp cùng dNTP 10mM. Đóng gói 1000U/kit. Bảo quản: -20°C Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng 												
1	13	Kit tổng hợp cDNA và khuếch đại DNA một bước	Hộp 100 phần ứng	1										
		<ol style="list-style-type: none"> Mô tả: Kit thực hiện phản ứng RT-PCR một bước từ RNA với giải nồng độ: 0.01 pg đến 1 µg Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> - Hỗn, hợp enzyme superscript III: 200 µl - Hỗn hợp phân ứng 0.4mM mỗi dNTP và 3.2mM MgSO4: 3 x 1ml - MgSO4 5mM: 500 µL Nhiệt độ bảo quản: -10 đến -30°C. Hạn sử dụng: ≥ 06 tháng. 												
1	14	Sinh phẩm tinh sạch sản phẩm PCR	Hộp 100 phần ứng	4										
		<ol style="list-style-type: none"> Mô tả: Sử dụng để làm sạch enzyme cho sản phẩm PCR bằng cách phân hủy môi và các nucleotide thừa chi trong 1 bước duy nhất. Thành phần: 200ul ExoSAP-IT. Nhiệt độ bảo quản: -5 đến -30°C. Hạn sử dụng: ≥ 06 tháng. 												

Phần STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá							
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
1	Dung dịch đệm điện di mao quản	<p>1. Mục đích: Chất mang DNA chạy điện di mao quản giải trình tự gen dùng cho hệ thống máy giải trình tự gen bằng điện di mao quản</p> <p>2. Mô tả- Polyme dùng cho giải trình tự bằng điện di mao quản, phù hợp với hệ máy: 3130 Genetic Analyzer, 3130xl Genetic Analyzer hoặc tương đương. Ứng dụng cho phân tích đoạn và giải trình tự</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 2°C - 8°C.</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Hộp 384 test	1									
1	Mồi PCR xác định vi rút HIV	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng PCR. Chuỗi trình tự acide nucleic tổng hợp nhân tạo dùng làm mồi đặc hiệu cho phản ứng PCR. Mồi bắt cặp đặc hiệu với virus HIV</p> <p>2. Thành phần: Đoạn trình tự DNA được tổng hợp nhân tạo đã được tinh sạch bằng loại muối và ở dạng bột đông khô</p> <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: > 6 tháng</p>	100 nmol/ Tube	16									
1	Mồi PCR xác định vi khuẩn tả	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng PCR phát hiện vi khuẩn tả O1; O139; gen độc tố tả ctxA; gen đặc hiệu loài toxR</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mồi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200nM, dạng đông khô. <p>3. Điều kiện bảo quản: 4-8 độ C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Cặp	4									
1	Mồi PCR xác định vi khuẩn <i>Campylobacter jejuni</i> ; <i>Campylobacter coli</i>	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng PCR</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mồi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 200nM, dạng đông khô. <p>3. Điều kiện bảo quản: 4-8 độ C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Cặp	2									

Phân STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá					Thông tin chào giá						
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
1	19 Kit ELISA phát hiện kháng nguyên vi rút Rota	<p>1. Mục đích sử dụng: sinh phẩm miễn dịch enzyme định tính, dùng cho xét nghiệm để phát hiện kháng nguyên rotavirus (Nhóm A) trong các mẫu phân của người</p> <p>2. Mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Microtitration plate - Sample Diluent (100ml) - Positive Control (2ml) - Negative Control (2ml) - Conjugate 1 (13ml) - Conjugate 2 (13ml) - Substrate TMB (13ml) - Stop Solution (12ml) - Wash Buffer (100ml) - có chứng chỉ IVD <p>3. Điều kiện bảo quản: 2-8 °C</p> <p>4. Hạn sử dụng: > 6 tháng</p>	Hộp 96 phân ứng	10									

10:26:11 13/10/2023
phuongbh.nlth_Bui Huy Phuong

Phân STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá							
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
1	Kit ELISA phát hiện kháng thể IgM kháng vi rút Sởi	<p>1. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - MTP: Các thanh xét nghiệm có thể bỏ rời, mỗi thanh có 8 giếng phủ kháng nguyên. Nguyên liệu phủ đã bị bất hoạt. - STD: Huyết Thanh Chuẩn (sẵn sàng để sử dụng) - NEG: Huyết thanh Chứng âm (sẵn sàng để sử dụng). - APC: Liên hợp kháng IgA, IgG hoặc IgM người (sẵn sàng để sử dụng). - WASH: Dung dịch rửa đậm đặc (đủ 1000 ml). - DILB: Đệm Pha loãng (sẵn sàng để sử dụng) - STOP: Dung dịch dừng phản ứng (sẵn sàng để sử dụng). - pNPP: Cơ chất (sẵn sàng để sử dụng). - RF Absorbent: Hợp chất hạn chế dương giả (loại bỏ yếu tố dạng thấp ở bệnh nhân thấp khớp) - INFO: Giấy chứng nhận quản lý chất lượng với đường chuẩn và bảng đánh giá. <p>2. Điều kiện bảo quản: 2 - 8°C</p> <p>3. Hạn sử dụng : ≥ 6 tháng</p> <p>4. Độ nhạy: 98.9%; độ đặc hiệu >99%</p>	Hộp 96 phản ứng	2									

Phân STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá					Thông tin chào giá						
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
1	21	<p>Kit ELISA phát hiện kháng thể IgM kháng Rubella</p> <p>1. Thành phần: - MTP: Các thanh xét nghiệm có thẻ bẻ rời, mỗi thanh có 8 giếng phủ kháng nguyên. Nguyên liệu phủ đã bị bất hoạt. - STD: Huyết Thanh Chuẩn (sẵn sàng để sử dụng) - NEG: Huyết thanh Chứng âm (sẵn sàng để sử dụng). - APC: Liên hợp kháng IgA, IgG hoặc IgM người (sẵn sàng để sử dụng). - WASH: Dung dịch rửa đậm đặc (đủ 1000 ml). - DILB: Dệm Pha loãng (sẵn sàng để sử dụng) - STOP: Dung dịch dừng phản ứng (sẵn sàng để sử dụng). - PNPP: Cơ chất (sẵn sàng để sử dụng). - RF Absorbent: Hộp chất hạn chế dương giả (loại bỏ yếu tố dạng thấp ở bệnh nhân thấp khớp) - INFO: Giấy chứng nhận quản lý chất lượng với đường chuẩn và băng đánh giá. 2. Điều kiện bảo quản: 2 - 8°C 3. Hạn sử dụng : ≥ 6 tháng 4. Độ nhạy: >99%; độ đặc hiệu: 96,8%</p>	Hộp 96 phản ứng	2									
1	22	<p>Bộ dye chuẩn Sequencing Standard, BigDye™ Terminator v3.1, for 3500/SeqStudio™ Flex</p> <p>1. Mục đích: sử dụng cho chuẩn spectral hoặc/ và kiểm soát chất lượng phản ứng giải trình tự trên hệ thống máy giải trình tự Applied Biosystems 3500 và SeqStudio Flex. 2. Mô tả: Bộ kit bao gồm 4 tube, mỗi tube chứa DNA đủ cho trình tự 1200bp được chuẩn bị sẵn với BigDye Terminator v3.1. Dye gắn bao gồm ROX, TAMRA, Rhodamine 110, Rhodamine 6G. Ứng dụng cho giải trình tự. 3. Điều kiện bảo quản: -20°C. 4. Hạn sử dụng: > 6 tháng</p>	Hộp 4 ống	1									

Phần	STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá							
			Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
1	23	Kit xét nghiệm kháng thuốc HIV	<p>1. Mục đích: Kit thực hiện giải trình tự gen pol và integrase từ bước khuếch đại đến giải trình tự</p> <p>2. Thành phần: RNA Positive Control, 2 x 100 µL</p> <ul style="list-style-type: none"> • HIV RNA Negative Control, 2 x 100 µL • RT-PCR Master Mix, PR/RT, 2 x 1.055 mL • RT-PCR Master Mix, IN, 2 x 1.055 mL • Nested-PCR Master Mix, PR/RT, 2 x 1.285 mL • Nested-PCR Master Mix, IN, 2 x 1.285 mL • SuperScript III One-Step RT-PCR with Platinum Taq High Fidelity Enzyme, 2 x 54 µL • AmpliTaq Gold LD DNA Polymerase, 1 x 54 µL • Sequencing vector, 2 x 80 µL • HIV Sequencing Mix R12, 2 x 435 µL • HIV Sequencing Mix R11, 2 x 435 µL • HIV Sequencing Mix F12, 2 x 435 µL • HIV Sequencing Mix F11, 2 x 435 µL • HIV Sequencing Mix R3, 2 x 435 µL • HIV Sequencing Mix R2, 2 x 435 µL • HIV Sequencing Mix R1, 2 x 435 µL • HIV Sequencing Mix F3, 2 x 435 µL • HIV Sequencing Mix F2, 2 x 435 µL • HIV Sequencing Mix F1, 2 x 435 µL <p>3. Nhiệt độ bảo quản: -20°C.</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 06 tháng.</p>	Hộp 48 phần ứng	2									
1	24	Thạch TSA	<p>1. Mục đích: Nuôi cấy vi khuẩn</p> <p>2. Mô tả: bột thạch giàu dinh dưỡng cho tăng sinh vi khuẩn.</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 15-25°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Hộp 500g	1									

Phân STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá	
1	Thạch dinh dưỡng	1. Mục đích: Nuôi cấy vi khuẩn 2. Mô tả: Thạch dinh dưỡng dùng trong nuôi cấy khuẩn, gồm: Peptone 5 g/l Meat Extract 3 g/l Agar 9-18 g/l ** Water 1000 ml/l PH at 25 °C 7.0 ± 0.2 3. Điều kiện bảo quản: 15-25°C 4. Hạn sử dụng: > 6 tháng	Hộp 500g	1										
1	26 Thạch màu	1. Mục đích: Thạch màu là môi trường làm giàu được sử dụng để nuôi cấy những vi khuẩn hoặc vi sinh vật mà không cần dễ dàng. 2. Thành phần: - Lab-Lemco' powder 10g/l - Polypeptone Neutralised 10 g/l - Sodium chloride 5g/l - Agar 15 g/l - PH: 7,3 ± 0,2 3. Bảo quản: 2-8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 03 tháng	Hộp 500g	1										
1	27 Canh thang BHI	1. Mục đích: Tăng sinh, giữ chủng vi khuẩn 2. Mô tả: Dạng hạt, màu nâu. Độ tan 37g/l. Hộp nhựa 500g/hộp, PH=7,2-7,6. Có kèm COA và MSDS 3. Bảo quản: 15-25°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng.	Hộp 500g	1										
1	28 Chi thị hóa học tích hợp cho tiết trùng hơi nước	1. Mục đích: Tiết trùng hơi nước ở 121°C ~ 135°C 2. Mô tả: Hình dạng: Thanh giấy, Kích cỡ thể: 101 mm x 19 mm (4" x 0.75"). Chi thị hóa học: Vạch mực mao dẫn trên bắc giấy. Có kèm COA và MSDS 3. Bảo quản: 15-25°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng.	Gói 100 cái	3										

		Thông tin mời chào giá						Thông tin chào giá						
Phần	STT	Tên hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
1	29	ống 1.7ml	<p>1. Mục đích: lưu trữ, thao tác tách và xử lý mẫu, dung dịch</p> <p>2. Mô tả: Ống nhựa nắp phẳng, cấu tạo Polypropylene, không chứa DNase và Rnase, đáy nhọn, màu trong. Ống chịu lực lên tới 17000 x g.</p> <p>3. Bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Túi 500 chiếc	8									
1	30	Đai 4 ống realtime 0.1ml kèm nắp	<p>1. Mục đích: sử dụng cho phản ứng Real-time phù hợp với máy Rotorgene</p> <p>2. Mô tả: Tube thân trong, có thành mỏng, làm từ USP VI polypropylen không có DNase, RNase, DNA, chất ức chế PCR, ATP, endotoxin.</p> <p>Phù hợp với máy realtime Rotorgene. Cung cấp bao gồm ống tube dạng 4-tube/ đai, thể tích 0.1ml kèm nắp.</p> <p>3. Bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Túi 250 đai	2									
1	31	Đai 8 ống PCR 0,2 ml kèm nắp	<p>1. Mục đích: sử dụng cho phản ứng Real-time</p> <p>2. Mô tả: Tube thân trong, không chứa Dnase, RNase. Sử dụng cho máy realtime PCR. Cung cấp bao gồm ống tube dạng 8-tube/ đai, thể tích 0.2ml kèm nắp.</p> <p>3. Bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Túi 125 đai	3									
1	32	Đầu côn có lọc 10µl	<p>1. Mục đích: Dùng để hút mẫu, hóa chất trong kỹ thuật xét nghiệm</p> <p>2. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu côn làm bằng nhựa, tiết trùng, thể tích hút tối đa 10µl - Màng lọc kỵ nước, trơ, có khả năng ngăn cản nhiễm dịch vào đầu pipet. - Không chứa Dnase/Rnase, Human DNA, pyrogenic, PCR inhibitors <p>3. Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Thùng 960 chiếc	5									

Phân STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá					Thông tin chào giá							
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá	
1	33	Đầu côn có lọc 30ul	1. Mục đích: Thao tác tra hút mẫu, dung dịch 2. Mô tả: phù hợp với các micropipet khác nhau, dải thể tích hút 1 - 30 µL, có lọc, tiết trùng, thành phần polypropylene. 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Thùng 960 chiếc	4									
1	34	Đầu côn có lọc 200 µl	1. Mục đích: Dùng để tra mẫu, hút dung dịch 2. Mô tả: Đầu côn có lọc, thể tích hút tối đa, vô trùng và đã tiệt trùng sẵn 3. Bảo quản: ở nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Thùng 960 chiếc	1									
1	35	Đầu côn có lọc tiết trùng 1000µl	1. Mục đích sử dụng: Dùng để hút một lượng hóa chất tinh phẩm hoặc mẫu với thể tích nhỏ, độ chính xác cao 2. Mô tả - Đầu côn có lọc, thể tích hút tối đa 1000µL, - Phù hợp với các loại pipetman thông dụng - Không chứa DNA/Dnase/Rnase/ Protease/ATP, - Không chứa độc tố gây sốt, nội độc tố - Chứng nhận hàm lượng kim loại dạng vết cực thấp 3, Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: không áp dụng	Thùng 960 chiếc	1									
1	36	Đĩa petri nhựa 90 mm	1. Mục đích: đĩa petri nuôi cấy vsv 2. Mô tả: đĩa petri đường kính 90mm, chất liệu polystyrene 3. Bảo quản: ở nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Thùng 500 chiếc	2									
1	37	Cuvet nhựa (1.5ml)	1. Mục đích: đo độ đục của vi khuẩn trên máy 2. Mô tả: chất liệu nhựa, kích thước 1.5ml 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Hộp 100 chiếc	2									

Phân STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá					Thông tin chào giá						
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
1	38	Que cấy 1ul	<p>1. Mục đích sử dụng: dùng để cấy vi khuẩn</p> <p>2. Mô tả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: nhựa Polypropylene (PP) - Thể tích: 1 ul - Đã tiệt trùng - Không chứa Dnase/Rnase <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: không áp dụng</p>	túi 10 chiếc	80								
1	39	Nhiệt kế thủy ngân	<p>1. Mục đích: sử dụng để kiểm tra nhiệt độ lò hấp ướt</p> <p>2. Mô tả: Nhiệt kế vẩy maximum cho nồi hấp tiệt trùng, + 80 đến + 130 độ C, chia vạch 2 độ C ngắn chỉ 60 mm</p> <p>3. Bảo quản: ở nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	cái	1								
1	40	Tăm bông vô khuẩn	<p>1. Mục đích: Tăm bông lấy mẫu bệnh phẩm</p> <p>2. Mô tả: tăm bông cán gỗ vô trùng</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Túi 100 cái	2								
1	41	Khẩu trang 4 lớp	<p>1. Mục đích: Bảo vệ hệ hô hấp</p> <p>2. Mô tả: Khẩu trang hoạt tính 4 lớp</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: Không áp dụng</p> <p>4. Hạn sử dụng: Không áp dụng</p>	Hộp 50 cái	30								
1	42	Mũ đội đầu trong PTN	<p>1. Mục đích: Mũ đội đầu trong PTN</p> <p>2. Mô tả: Vải không dệt Polypropylen.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dây chun. <p>3. Điều kiện bảo quản: Không áp dụng</p> <p>4. Hạn sử dụng: Không áp dụng</p>	Túi 100 cái	2								

Phân STT	Tên hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Thông tin mới chào giá				Thông tin chào giá										
			Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (đơn kiện)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá				
1	Găng tay y tế không bột size S	<p>1. Mục đích: sử dụng khi thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm</p> <p>2. Mô tả: Găng tay y tế, không bột, cao su, size S</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Thùng 10 hộp/ hộp 50 đôi	3													
1	Găng tay y tế không bột size M	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho các thao tác xử lý mẫu, phân ứng</p> <p>2. Mô tả: Găng tay không bột, chất liệu cao su</p> <p>3. Bảo quản: nơi khô mát, tránh ánh nắng và nhiệt.</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Thùng 10 hộp/ hộp 50 đôi	1													
1	Giấy bạc	<p>1. Mục đích: Dùng để bọc gói dụng cụ</p> <p>2. Mô tả: Là loại nhôm cán mỏng. Kích thước 30cm x 5m</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	cuộn	50													
1	Kim bấm nắp lọ 20mm	<p>1. Mục đích: bấm nắp nút cho lọ thủy tinh 20 mm</p> <p>2. Mô tả: dạng kim bấm, bằng kim loại</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: Không áp dụng</p> <p>4. Hạn sử dụng: Không áp dụng</p>	cái	1													
1	Còn tuyệt đối sử dụng trong sinh học phân tử	<p>1. Mục đích: sử dụng trong các ứng dụng cơ bản của sinh học phân tử (tách chiết mẫu, đông khô...)</p> <p>2. Mô tả: Công thức hóa học: C_2H_5OH. Độ tinh khiết 99,9%.</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: $+2^{\circ}C - 30^{\circ}C$</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Chai 1 lít	1													

Phần 2. Sinh phẩm, hoá chất, vật tư thực hiện các xét nghiệm khi tham gia chương trình ngoại kiểm trong mạng lưới chương trình ngoại kiểm quốc tế các PTN tham chiếu HIV: gồm 08 danh mục

Phần STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá							
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
2	Sinh phẩm chẩn đoán invitro phát hiện sớm giai đoạn chuyển đổi huyết thanh với HIV tuýp1 (HIV1,HIV 1 nhóm O) và phát hiện kháng thể kháng HIV2	<p>1. Mục đích sử dụng: Xét nghiệm HIV</p> <p>2. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật elisa - Có độ nhạy 100%, độ đặc hiệu 99.78% - Phát hiện cả kháng thể IgG, IgM, IgA của các typ HIV và kháng nguyên P24 - Phát hiện cả HIV1 và HIV 2 - Thích hợp rửa trên máy rửa tự động - Chứng nhận IVD <p>3. Bảo quản : nhiệt độ thường (2°C - 8°C)</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Hộp 96 phản ứng	4									
1													

Phân STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá							
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
2	Sinh phẩm điện hóa phát quang chẩn đoán HIV1, HIV2 chạy trên hệ thống máy e411 của Roche	<p>1. MDSB: Xét nghiệm HIV</p> <p>2. Thông số KT:</p> <p>- Bộ thuốc thử (M, R0, R1, R2) được dán nhãn HIVCOMPT. - Cụ thể:</p> <p>+ M: Vi hạt phủ Streptavidin (nắp trong), 1 chai, 6.5 mL; Vi hạt phủ Streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản.</p> <p>+ R0: Dệm MES 50 mmol/L, pH 5.5; 1.5 % Nonidet P40; chất bảo quản (nắp trắng); 1 chai, 4 mL.</p> <p>+ R1: Anti-p24~, kháng nguyên tải tổ hợp đặc hiệu HIV-1/-2 (E. coli)~, peptide đặc hiệu HIV-1/-2-biotin (nắp xám), 1 chai, 7 mL; Kháng thể đơn dòng kháng p24 đánh dấu biotin (chuoit), kháng nguyên tải tổ hợp đặc hiệu HIV-1/-2 đánh dấu biotin (E. coli), peptide đặc hiệu HIV-1/-2 đánh dấu biotin > 1.3 mg/L; đệm TRIS 50 mmol/L, pH 7.5; chất bảo quản.</p> <p>+ R2: Anti-p24~, kháng nguyên tải tổ hợp đặc hiệu HIV-1/-2 (E. coli)~, peptide đặc hiệu HIV-1/-2-Ru(bpy)2+ 3 (nắp đen), 1 chai, 7 mL; Kháng thể đơn dòng kháng p24 (chuoit), kháng nguyên tải tổ hợp đặc hiệu HIV-1/-2, peptide đặc hiệu HIV-1/-2 đánh dấu phức hợp ruthenium > 1.5 mg/L; đệm TRIS 50 mmol/L, pH 7.5; chất bảo quản.</p> <p>- HIVCOMPT Call Mẫu chuẩn âm tính (nắp trắng), 2 chai (đòng khô) để pha mỗi chai 1.0 mL; Huyết thanh người, không phản ứng với kháng thể kháng HIV-1 và kháng thể kháng HIV-2.</p> <p>- HIVCOMPT Cal2 Mẫu chuẩn dương tính (nắp đen), 2 chai (đòng khô) để pha mỗi chai 1.0 mL; Huyết thanh người dương tính với kháng thể kháng HIV-1 (bất hoạt) trong huyết thanh người âm tính với kháng thể kháng HIV-1 và kháng thể kháng HIV-2.</p> <p>- Chứng nhận CE-IVD</p> <p>3. Bảo quản: 2-8°C</p> <p>4. HSD: ≥ 6tháng</p>	Hộp 100 phần ứng	4									

Phân STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá							
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
2	Chứng cho sinh phẩm chẩn đoán	<p>1. Mục đích sử dụng: Mẫu chứng sinh phẩm xét nghiệm HIV</p> <p>2. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bao gồm PC HIV1, HIV2, chứng kháng nguyên p24 và chứng âm tính - Chứng nhận IVD 3. Bảo quản : 2°C - 8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng 	2ml/ lọ x 6 lọ/hộp	2									
2	Sinh phẩm chẩn đoán invitro phát hiện nhanh HIV, HIV 2	<p>1. Mục đích sử dụng: Xét nghiệm HIV</p> <p>2. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật xét nghiệm nhanh - Có độ nhạy 100% và độ đặc hiệu ≥ 99%, - Phát hiện được cả HIV 1 và HIV 2, - Nhận biết kết quả rõ ràng bằng mắt thường, Cho kết quả nhanh 10- 20 phút, - Có khả năng kiểm tra chất lượng của kit trong mỗi xét nghiệm - Kỹ thuật thao tác đơn giản, không yêu cầu máy móc trang thiết bị hiện đại - Chứng nhận IVD 3. Bảo quản : nhiệt độ thường (2°C - 30°C) 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng 	Hộp 30 phản ứng	2									

Phân STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá							
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dư kiện)	Số lượng	Hạng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
2	5	Kit thử phát hiện nhanh HIV	Hộp 40 phần ứng	2									
		<p>1. Mục đích: Xét nghiệm HIV</p> <p>2. Thành phần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kit thuật xét nghiệm nhanh - Độ nhạy và độ đặc hiệu cao >99% - Phát hiện cả HIV 1 và HIV 2 - Nhận biết kết quả rõ ràng bằng mắt thường. Cho kết quả nhanh, độ ổn định của kết quả đạt 15-20 phút - Có khả năng kiểm tra chất lượng của kit trong mỗi xét nghiệm. - Chứng nhận IVD <p>- Kỹ thuật thao tác đơn giản, không yêu cầu máy móc trang thiết bị hiện đại</p> <p>3. Bảo quản : nhiệt độ thường</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 06 tháng.</p>											
2	6	Găng tay y tế có bột tan	Thùng 10 hộp/ hộp 50 đôi	1									
		<p>1. Mục đích sử dụng: sử dụng khi thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm</p> <p>2. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Găng tay y tế không bột latex, màu trắng - Găng tay Size S, M <p>3. Bảo quản: nhiệt độ thường (20°C - 25°C)</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>											
2	7	Đầu côn không lọc thể tích 1000 µl	Túi 500 chiếc	4									
		<p>1. Mục đích sử dụng: Đầu côn dùng để hút mẫu/ hóa chất trong kỹ thuật xét nghiệm</p> <p>2. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu côn làm bằng nhựa, thể tích hút tối đa 1000µl - Có thể hấp sấy tiệt trùng ở 121°C - Tương thích với tất cả các loại pipet <p>3. Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát</p> <p>4. Hạn sử dụng: Không áp dụng</p>											

Phần STT	Tên hàng hóa	Thông tin mới chào giá				Thông tin chào giá							
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
2	Còn y tế 70°	<p>1. Mục đích sử dụng: dùng để khử khuẩn trong quá trình làm xét nghiệm</p> <p>2. Thông số kỹ thuật: Còn 70%</p> <p>3. Bảo quản : nhiệt độ thường (20°C - 25°C)</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Chai 500 ml	4									
<p>Phần 3. Sinh phẩm, hóa chất thực hiện xác nhận phương pháp và ngoại kiểm tải lượng vi rút trên hệ thống máy Abbott: bao gồm 03 danh mục</p>													
3	Bộ kit xét nghiệm định lượng HIV trên hệ thống m2000	<p>1. Mục đích: Kit định lượng RNA HIV-1 trong mẫu huyết tương và DBS, CE-IVD</p> <p>2. Thành phần: Hộp realtime HIV-1 Reagent kit bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Internal control : 4 lọ x 1.2ml - Amplification reagent pack : 4 packs x 12 test. Mỗi Pack bao gồm: + Thermostable rTh Polymerase Enzyme: 1 lọ x 0.141ml + Oligonucleotide reagent: 1 lọ x 1.1ml + Activation Reagent: 1 lọ x 0.4ml Hộp mSample <p>Preparation system kit bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất tách chiết cho xét nghiệm đo tải lượng HIV dùng cho máy tự động 4 x 24 Preps. - Tris solution containing guanidinium thiocyanate; Nuclease free water; microparticles in Guanidinium hydrochloride - Chứng nhận IVD <p>3. Nhiệt độ bảo quản: ≤ -10°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 06 tháng.</p>	Hộp 96 phản ứng	1									

Phần	STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá								
			Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hóa	
	2	Mẫu chứng sinh phẩm đo tải lượng HIV-1 trên hệ thống m2000	1. Mục đích: Mẫu chứng sinh phẩm đo tải lượng HIV-1 2. Thành phần: Hộp Realtime HIV-1 Control kit bao gồm: - Control - : 8 lọ x 1.8 ml - Control L : 8 lọ x 1.8 ml - Control H : 8 lọ x 1.8 ml 2. Nhiệt độ bảo quản: $\leq -10^{\circ}\text{C}$ 3. Hạn sử dụng: ≥ 06 tháng	Hộp 8 bộ	1										
3	3	Mẫu chuẩn sinh phẩm đo tải lượng HIV-1 trên hệ thống m2000	1. Mục đích: Mẫu chuẩn sinh phẩm đo tải lượng HIV-1 2. Thành phần: Noninfectious Armored RNA with HIV-1 sequences in negative human plasma. Negative human plasma tested and found to be nonreactive for HBsAg, HIV RNA, HCV RNA, anti-HIV-1/HIV-2, and anti-HCV. 3. Điều kiện bảo quản: -20 đến -10°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 06 tháng	Hộp 4 bộ	1										

Phần 4. Sinh phẩm, hoá chất thực hiện khi tham gia chương trình ngoại kiểm xét nghiệm HIV sử dụng phù hợp với máy Cobas 4800: bao gồm 05 danh mục

10-9-11 2023/01/CI_giang
 phuong.ph.nhle_Bui Huy Phuong

Phân STT	Tên hàng hóa	Thông tin môi chào giá				Thông tin chào giá							
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
4	Kit xét nghiệm realtime HIV-1 trên máy Cobas 4800	<p>1. Mục đích:</p> <ul style="list-style-type: none"> Hóa chất invitro sử dụng để định lượng vi rút gây suy giảm miễn dịch ở người tip 1 (HIV-1) trong mẫu bệnh phẩm của bệnh nhân bao gồm cả mẫu huyết tương chống đông bằng EDTA và từ mẫu huyết tương khô (PSC - Plasma Separation Card) và định tính để phát hiện HIV-1 trong mẫu bệnh phẩm giọt máu khô (DBS). Sử dụng trong hệ thống Real-Time PCR hoàn toàn tự động. <p>2. Mô tả: Đạt tiêu chuẩn CE-IVD.</p> <p>Có trong danh mục các mặt hàng được Bộ Y tế cho phép nhập khẩu vào Việt Nam.</p> <p>Một kit định lượng bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> 10 bộ HIV-1 MMX R2 dung tích 0.5 mL/bộ 10 bộ MMX R1 dung tích 1.75 mL/bộ 10 bộ RNA QS dung tích 1.75 mL/bộ <p>3. Điều kiện bảo quản: 2°C - 8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 03 tháng.</p>	Hộp 120 phản ứng	1									
4	Bộ mẫu chứng HBV/HCV/HIV-1	<p>1. Mục đích:</p> <ul style="list-style-type: none"> Bộ mẫu chứng cho HBV/HCV/HIV-1 <p>2. Mô tả:</p> <p>Đạt tiêu chuẩn CE-IVD</p> <p>Sử dụng được trong hệ thống Real-Time PCR hoàn toàn tự động</p> <p>Thành phần một bộ mẫu chứng bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> 10 mẫu chứng Âm cho HBV/HCV/HIV-1 dung tích 0.75 mL/mẫu 10 mẫu chứng Dương thấp cho HBV/HCV/HIV-1 dung tích 0.75 mL/mẫu 10 mẫu chứng dương cao cho HBV/HCV/HIV-1 dung tích 0.75 mL/mẫu <p>3. Điều kiện bảo quản: 2°C - 8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 03 tháng.</p>	Hộp 10 bộ	1									

Thông tin mời chào giá				Thông tin mời chào giá										
Phần	STT	Tên hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (đủ kiện)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
			<p>1. Mục đích: Kit chuẩn bị mẫu sử dụng được cho mê chạy 96 phân ứng</p> <p>2. Mô tả: Đạt tiêu chuẩn CE-IVD</p> <p>Thành phần một bộ kit chuẩn bị mẫu bao gồm:</p> <p>- 10 lọ chứa hạt thủy tinh từ tinh, đệm Tris, 0.1% methyl-4 hydroxybenzoate, < 0.1% natri azide - dung tích 16 mL/lọ</p> <p>- 10 lọ chứa đệm Tris, 0.2% methyl-4 hydroxybenzoate - dung tích 17 mL/lọ</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 2°C - 8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: > 03 tháng</p>											
4	4	Dung dịch ly giải tế bào	<p>1. Mục đích: Dung dịch ly giải tế bào sử dụng được cho mê chạy 96 phân ứng</p> <p>2. Mô tả: Đạt tiêu chuẩn CE-IVD</p> <p>Thành phần một hộp bao gồm:</p> <p>- 10 lọ Lysis buffer (43% (w/w) guanidine thiocyanateb, 5% (w/v) polydocalnolb, 2% (w/v) dithiothreitolb, dihydro natri citrate) dung tích 84 mL/lọ</p> <p>- 10 lọ PProtease (Đệm Tris, <0.05% EDTA, calcium chloride, calcium acetate, 8% (w/v) proteinaseb) dung tích 1.0mL/lọ</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 2°C - 8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 03 tháng</p>	Hộp 240 phân ứng	1									
4	5	Dung dịch rửa	<p>1. Mục đích: Dung dịch rửa sử dụng được cho mê chạy 96 phân ứng</p> <p>2. Mô tả: Đạt tiêu chuẩn CE-IVD</p> <p>Thành phần một hộp gồm: 10 lọ nước rửa có thành phần Natri citrate dihydrate, 0.05% N- Methyl isothiazolone HCl - dung tích 200mL/lọ</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 15°C - 25°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 03 tháng</p>	Hộp 240 phân ứng	1									

Phân STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá						
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng
<p>Phụ lục 5: Hóa chất, vật tư đảm bảo vận hành an toàn phòng thí nghiệm đạt an toàn sinh học cấp II, III và các phòng thí nghiệm khác của Viện phục vụ các hoạt động giám sát, phòng chống dịch bệnh: bao gồm 44 danh mục, chia 2 phần.</p>												
<p>Phần 1. Hóa chất, vật tư phục vụ các xét nghiệm thực hiện PTN ATSH cấp 3: bao gồm 17 danh mục</p>												
1	Dung dịch sát khuẩn nhanh	<p>1. Mục đích: Sát khuẩn tay nhanh</p> <p>2. Mô tả: Ethanol 75,5%, cồn sát khuẩn tay nhanh dạng gel, có chất làm mềm và ẩm da, không màu, không mùi.</p> <p>3. Bảo quản: 5-25 độ C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Chai 500ml	15								
1	Bộ quần áo Tyvek	<p>1. Mục đích: Bảo hộ cá nhân</p> <p>2. Mô tả: Bộ bao gồm: Mũ, áo, quần và bao giày liền, chống chất lỏng và khí dung, chống bám dính, mát, nhẹ</p> <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Bộ	250								
1	Khẩu trang N95	<p>I. Mục đích: Lọc không khí hít vào khi thực hiện các thử nghiệm sinh học với mức nguy hiểm cấp độ 3 hoặc được cho là nguy hiểm mà chưa rõ tác nhân gây bệnh.</p> <p>II. Mô tả:</p> <p>1. Khẩu trang có lọc, lọc ít nhất 95% hạt không khí có đường kính khí động học trung bình là khối lượng 0,3 micromet.</p> <p>2. Khẩu trang N95 yêu cầu làm bằng lưới mịn với chất liệu sợi polyme tổng hợp, đặc biệt là vải polypropylen không dệt.</p> <p>III. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>IV. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Hộp 20 chiếc	40								

Phần	STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá								
			Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (đủ kiện)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá	
1	4	Găng tay y tế không bột cỡ L	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: Bảo hộ cá nhân Mô tả: Cao su tự nhiên, dùng được cả hai tay; cổ tay được se viền, bề mặt găng tay trơn hoặc vùng bàn tay nhám, không bột Bảo quản: Nhiệt độ phòng Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng 	Thùng 10 hộp/ hộp 50 đôi	1										
1	5	Găng tay y tế không bột cỡ M	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: Bảo hộ cá nhân Mô tả: Cao su tự nhiên, dùng được cả hai tay; cổ tay được se viền, bề mặt găng tay trơn hoặc vùng bàn tay nhám, không bột Bảo quản: Nhiệt độ phòng Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng 	Thùng 10 hộp/ hộp 50 đôi	4										
1	6	Găng tay y tế không bột cỡ S	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: Bảo hộ cá nhân Mô tả: Cao su tự nhiên, dùng được cả hai tay; cổ tay được se viền, bề mặt găng tay trơn hoặc vùng bàn tay nhám, không bột Bảo quản: Nhiệt độ phòng Hạn sử dụng: ≥ 24 tháng 	Thùng 10 hộp/ hộp 50 đôi	5										
1	7	Bộ quần áo chống dịch 7 món	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: Bảo hộ cá nhân Mô tả: Bộ bao gồm: quần, áo, bao giày, mũ, kính, găng tay, khẩu trang, chất liệu vải không dệt Bảo quản: Nhiệt độ phòng Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng 	Bộ	100										
1	8	Băng dính giấy	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: Cố định găng tay Mô tả: Rộng 2,4 cm; để xé, chống nước tốt, không để lại keo sau khi bóc Bảo quản: Nhiệt độ phòng Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng 	Cuộn	10										

		Thông tin mời chào giá					Thông tin chào giá						
Phân STT	Tên hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
1	Quần áo blouse cỡ L	<ul style="list-style-type: none"> 1. Mục đích: Bảo hộ cá nhân 2. Mô tả: Áo dài tay, có bo tay, khóa kéo hoặc cúc cài, vải thấm hút tốt 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: Không áp dụng 	Bộ	20									
1	Quần áo blouse cỡ XL	<ul style="list-style-type: none"> 1. Mục đích: Bảo hộ cá nhân 2. Mô tả: Áo dài tay, có bo tay, khóa kéo hoặc cúc cài, vải thấm hút tốt 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: Không áp dụng 	Bộ	10									
1	Bao giấy	<ul style="list-style-type: none"> 1. Mục đích: Bảo hộ cá nhân 2. Mô tả: Chất liệu vải không dệt 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng 	Túi 100 cái	7									
1	Bộ kiểm tra rửa tay	<ul style="list-style-type: none"> 1. Mục đích: Kiểm tra hiệu quả rửa tay 2. Mô tả: Bộ bao gồm bọt và gel phát quang, đèn soi phát quang 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng 	Bộ	2									
1	Thùng đựng rác y tế màu vàng	<ul style="list-style-type: none"> 1. Mục đích: Đựng chất thải y tế 2. Mô tả: 60-80 lít, có bánh xe, nhựa, có nắp 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: Không áp dụng 	Cái	4									
1	Sục kín mũi chân màu đen cỡ 10	<ul style="list-style-type: none"> 1. Mục đích: Bảo hộ cá nhân 2. Mô tả: Nhựa tổng hợp mềm, kín mu bàn chân, màu đen 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: Không áp dụng 	đôi	15									

		Thông tin mời chào giá					Thông tin chào giá							
Phần	STT	Tên hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
1	15	Ứng phòng thí nghiệm	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: Bảo hộ cá nhân Mô tả: Ứng cao su, màu trắng, cổ cao 40-50cm Bảo quản: Nhiệt độ phòng Hạn sử dụng: Không áp dụng 	Đôi	5									
1	16	Giăng tay chịu nhiệt độ cao	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: Bảo hộ cá nhân Mô tả: chất liệu cách nhiệt composite, chịu nhiệt độ -260 °C ~ 100 °C Bảo quản: Nhiệt độ phòng Hạn sử dụng: Không áp dụng 	Đôi	5									
1	17	Bình rửa mắt khẩn cấp	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: Rửa mắt trong trường hợp khẩn cấp Mô tả: Dung dịch vô trùng Sodium Chloride 0.9%; mỗi chai dung tích 500ml bao gồm cả giá treo và ốc vít đi kèm Bảo quản: Nhiệt độ phòng Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng 	Bộ	21									
Phần 2. Hóa chất, vật tư phục vụ vận hành PTN ATSH cấp 3: bao gồm 27 danh mục														
2	1	Tiền lọc cho hệ thống điều hòa không khí phòng xét nghiệm an toàn sinh học cấp III	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: Lọc không khí trước khi qua AHU của P3 có thể tẩy rửa Mô tả: Kích thước: 2x20m, dày 1,5 cm; màu trắng; Khả năng giữ bụi: 85-90% (G3 – EN779) Chất liệu: Bông sợi tổng hợp Chênh áp ban đầu: 25Pa Lưu lượng: 5400 m3/h. Bảo quản: Nhiệt độ phòng Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng 	Cuộn	2									

Phuonng.h.nh.e_Bui_Huy_Phuonng



		Thông tin mời chào giá						Thông tin chào giá					
Phần STT	Tên hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
2	Bộ lọc hạt không khí hiệu suất cao (HEPA)	<p>1. Mục đích: Lọc không khí sau khi qua AHU của P3</p> <p>2. Mô tả: Khung nhôm Hiệu suất: 99,95% Kích thước(WxHxD): 610x610x150mm Lưu lượng: 1565 m³/h Áp suất ban đầu: 250 Pa Áp suất sau cùng: 500 Pa Tiêu chuẩn: H13 theo EN 1822</p> <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Chiếc	14									
2	Trung lọc cho hệ thống điều hòa không khí phòng xét nghiệm an toàn sinh học cấp III kích thước 610x610x150mm	<p>1. Mục đích: Lọc không khí, nằm trong AHU của P3</p> <p>2. Mô tả: Khung nhôm Hiệu suất: 95% Kích thước(WxHxD): 610x610x150mm Lưu lượng: 3400 m³/h Áp suất ban đầu: 130 Pa Áp suất sau cùng: 500 Pa Tiêu chuẩn: F8 theo EN 779</p> <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Chiếc	16									
2	Trung lọc cho hệ thống điều hòa không khí phòng xét nghiệm an toàn sinh học cấp III kích thước 305x610x150mm	<p>1. Mục đích: Lọc không khí, nằm trong AHU của P3</p> <p>2. Mô tả: Khung nhôm Hiệu suất: 95% Kích thước(WxHxD): 305x610x150mm Lưu lượng: 1700 m³/h Áp suất ban đầu: 250 Pa Áp suất sau cùng: 500 Pa Tiêu chuẩn: F8 theo EN 779</p> <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Chiếc	28									

Phần	STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá								
			Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dư kiện)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá	
			<p>1. Mục đích: Thử nghiệm nôi hấp tiệt trùng cho P3 và các PTN Viên</p> <p>2. Mô tả: Đoch kết quả ngay với chi thị vạch mực mao dẫn trên bắc giấy</p> <p>Tương tác với cả 3 yếu tố tiệt trùng (thời gian, nhiệt độ, hơi bão hòa)</p> <p>Khoảng nhiệt độ sử dụng: 121 -135 độ C</p> <p>Phù hợp tiêu chuẩn ISO 11140-1 Type 5</p> <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Hộp 100 thanh	8										
	2	Chi thị hóa học cho nôi hấp tiệt trùng	<p>1. Mục đích: thử nghiệm nôi hấp tiệt trùng cho P3 và PTN Viên</p> <p>2. Mô tả dạng ống, kích thước: 8,4 mm x 45,5 mm</p> <p>Chứa tế bào tế bào Geobacillus stearothermophilus trong ống</p> <p>Phù hợp tiêu chuẩn ISO 11138</p> <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Hộp 100 ống	8										
	2	Pin sạc AA	<p>1. Mục đích: Dùng cho các loại máy đo tốc độ gió, đo chênh áp...:phục vụ HC, TN các thiết bị cho P3 và PTN Viên</p> <p>2. Mô tả: Dung lượng : Min 2000mAh, sạc đầy Max lên đến 2300mAh</p> <p>Điện áp: 1,2V</p> <p>Size: AA</p> <p>Kích thước: 14mm x 50mm/ viên</p> <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Số lần sạc: >2000 lần</p>	Vì 2 Viên	20										

Phân STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá							
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
2	Pin sạc AAA	<p>1. Mục đích: Dùng cho các loại máy đo 3 thông số, nhiệt kế điện tử..phục vụ HC, TN các thiết bị cho P3 và PTN Viện</p> <p>2. Mô tả: Dung lượng : 950mAh Điện áp: 1,2V Size: AAA Kích thước: 10mm x 42mm/ viên</p> <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Số lần sạc: >2000 lần</p>	Vi 4 viên	20									
2	Pin sạc 9V	<p>1. Mục đích: Dùng cho các loại máy (đo ánh sáng, đo độ ồn, đo ánh sáng tím...) phục vụ HC, TN các thiết bị cho P3 và PTN Viện</p> <p>2. Mô tả: Pin vuông kích thước 48x26x16mm Dung lượng 1000mAh</p> <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Số lần sạc: >2000 lần</p>	Vi 1 Viên	30									
2	Bộ sạc pin AA/ AAA/	<p>1. Mục đích: Sạc cho pin sạc</p> <p>2. Mô tả: Trọng lượng: 325,5g Kích thước: 193,5 * 93 * 52,5mm Đầu vào: AC 100-240V 50 / 60Hz Đầu ra: 1.2V DC 600mA 9V DC 25mA -1-4 chiếc AA / AAA / SC / C / D: 150mA</p> <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: Không áp dụng</p>	Chiếc	6									
2	Pin nồi hấp 2 cửa	<p>1. Mục đích: Nuôi nguồn màn hình PLC autoclave 2 cửa của P3</p> <p>2. Mô tả: Điện áp: 3,6V Kích thước khoảng 10,8mm x 28,4mm/ viên Dung lượng: 500mAh Size: 2/3 AAA</p> <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: Không áp dụng</p>	Viên	8									

Phân STT	Tên hàng hóa	Thông tin môi chào giá				Thông tin chào giá								
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (đủ kiện)	Số lượng	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá	
2	Pin nôi hấp 2 cửa 1/2 AA	<p>1. Mục đích: Nười nguồn màn hình PLC autoclave 2 cửa cửa P3</p> <p>2. Mô tả: Điện áp: 3,6V</p> <p>Kích thước: 14mm x 25mm/ viên</p> <p>Dung lượng: 1100mAh</p> <p>Size: 1/2 AA</p> <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: Không áp dụng</p>	Viên	8										
2	Pin chuyên dụng cho cảm biến nhiệt độ Madgetech (kèm gioăng làm kín)	<p>1. Mục đích: Dùng cho cảm biến không dây phục vụ HC, TN các thiết bị cho P3 và PTN Viện</p> <p>2. Mô tả: Điện áp: 3,6V</p> <p>Size: 1/2AA</p> <p>Kích thước: 14mm x 25mm</p> <p>Dung lượng: 850mAh</p> <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: Không áp dụng</p>	Viên	30										
2	Pin chuyên dụng cho cảm biến nhiệt độ Datarce (kèm gioăng làm kín)	<p>1. Mục đích: Dùng cho cảm biến không dây phục vụ HC, TN các thiết bị cho P3 và PTN Viện</p> <p>2. Mô tả: Hình cục áo</p> <p>Điện áp: 3V</p> <p>Kích thước: 12mm x 2,5mm</p> <p>Dung lượng: 48mAh</p> <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: Không áp dụng</p>	Hộp 20 viên	2										
2	Đầu côn 20ul	<p>1. Mục đích: Hiệu chuẩn pipet (cửa P3 và PTN Viện)</p> <p>2. Mô tả: Vật liệu: Polypropylene, thể tích 20ul. Tương thích với nhiều loại pipet</p> <p>Không chứa DNase/RNase và pyrogen,</p> <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ thường</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Túi 1000 chiếc	2										

Phân STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá							
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
2	Đầu côn 300 µl	<p>1. Mục đích: Hiệu chuẩn pipet (của P3 và PTN Viện)</p> <p>2. Mô tả: Vật liệu: polypropylene, thể tích 300ul. Tương thích với nhiều loại pipet Không chứa Dnase/RNase và pyrogen</p> <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ thường</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Túi 1000 chiếc	2									
2	Đầu côn không lọc 1000 µl	<p>1. Mục đích: Hiệu chuẩn pipet (của P3 và PTN Viện)</p> <p>2. Mô tả: Vật liệu: polypropylene, thể tích 1000ul. Tương thích với nhiều loại pipet Không chứa Dnase/RNase và pyrogen</p> <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ thường</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Túi 1000 chiếc	2									
2	Giấy phân quang	<p>1. Mục đích: Hiệu chuẩn máy ly tâm (của P3 và PTN Viện)</p> <p>2. Mô tả: Dạng thanh màu ghi, kích thước 15mm x 60mm</p> <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Túi 10 thanh	1									
2	dung dịch Formaldehyde	<p>1. Mục đích: Tiết trùng tủ ATSH, PTN (của P3 và PTN Viện)</p> <p>2. Mô tả: Dạng dung dịch với nồng độ 35-37%, màu trắng, mùi hăng nhẹ</p> <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: Không áp dụng</p>	Chai 0,5L	10									
2	dung dịch Amoniac	<p>1. Mục đích: Trung hòa Fomalin khi tiết trùng tủ ATSH, PTN (của P3 và PTN Viện)</p> <p>2. Mô tả: Dạng dung dịch, loại 25%</p> <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: Không áp dụng</p>	Chai 0,5L	10									

Phần	STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá							
			Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dư kiện)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
2	21	Muối hoàn nguyên	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: Làm mềm nước cứng, khử kim loại nặng, nâng cao chất lượng nước (của P3) Mô tả: Dạng viên, Natri tới thiểu 99,5%, đường kính 22mm, độ dày 12mm Bảo quản: Nhiệt độ môi trường Hạn sử dụng: Không áp dụng 	Kg	1200									
2	22	Bản dính vàng chuyên dụng 3M	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: làm kín trong quá trình tiệt trùng Formalin (của P3 và PTN Viện) Mô tả: Màu vàng, chất liệu cao su (vinyl), chiều dài: 33m, độ dày 0,125mm Bảo quản: Nhiệt độ phòng Hạn sử dụng: Không áp dụng 	Cuộn	30									
2	23	Băng dính nilong chuyên dụng kích thước 900mm x 20mm	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: làm kín trong quá trình tiệt trùng Formalin (của P3 và PTN Viện) Mô tả: Dạng cuộn nilong màu trắng, kích thước 900mm x 20mm Bảo quản: Nhiệt độ phòng Hạn sử dụng: Không áp dụng 	Cuộn	10									
2	24	Băng dính nilong chuyên dụng kích thước 450mm x 20mm	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: làm kín trong quá trình tiệt trùng Formalin (của P3 và PTN Viện) Mô tả: Dạng cuộn nilong màu trắng, kích thước 450mm x 20mm Bảo quản: Nhiệt độ phòng Hạn sử dụng: Không áp dụng 	Cuộn	10									
2	25	Dầu PAO	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: dùng thử nghiệm từ ATSH (của P3 và PTN Viện) Mô tả: PAO (Polyalphaolefin) dạng dung dịch, màu trắng. Bảo quản: Nhiệt độ phòng Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng 	Lít	5									

		Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá								
Phân	STT	Tên hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
2	26	Dung dịch chống cấu cận nòi hơi	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: Điều chỉnh độ PH trong nòi hơi, chống ăn mòn đường ống (của P3) Mô tả: Can 20L, dạng dung dịch màu trắng Bảo quản: Nhiệt độ môi trường Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng 	20L/ Can	9									
2	27	Phiến chuẩn quang học hiệu chuẩn máy đọc Elisa	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: Hiệu chuẩn máy đọc Elisa (của PTN Viện) Mô tả: 12 giếng hấp thụ quang chuẩn (0,040 ÷ 2,50 OD) liên kết chuẩn tới NIST; 12 giếng huỳnh quang chuẩn, có giếng chuẩn lọc oxit Holmium, phiên theo chuẩn 1536 Bảo quản: Nhiệt độ phòng Hạn sử dụng: Không áp dụng 	chiếc	1									
Phụ lục 6. Gói thầu số 6. Sinh phẩm, hóa chất, vật tư xét nghiệm phòng chống dịch đột xuất: gồm 13 danh mục														
	1	Kit tách chiết DNA 250 phản ứng	<ol style="list-style-type: none"> Mục đích: Kit tách chiết DNA từ nhiều nguồn khác nhau như máu toàn phần, mô, tế bào. Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> Số cột lọc: 250 Số ống thu hồi loại 2ml: 750 ống Đệm AL: 2 x 33 ml Đệm ATL : 50 ml Đệm AW1: 98ml Đệm AW2: 66ml Đệm AE: 128 ml Proteinase K: 6 ml Nhiệt độ bảo quản: -20°C Hạn sử dụng: ≥ 06 tháng. 	Hộp 250 phản ứng	1									

Phần	STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá								
			Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (đầy kiện)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá	
	2	Hỗn hợp phản ứng PCR 250 phân ứng	1. Mục đích: Sử dụng để thực hiện phản ứng PCR 2. Mô tả: thành phần: 3 x 1.7 ml Taq PCR Master Mix containing 250 units Taq DNA Polymerase, 3 x 1.7 ml Distilled water. - Đóng gói: 250 phân ứng 3. Điều kiện bảo quản: - 20 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 250 phân ứng	1										
	3	Thuốc nhuộm gel	1. Mục đích: Sử dụng trong điện di sản phẩm PCR 2. Mô tả: Gồm GelPilot DNA Loading dye, 5X 3. Bảo quản: -20 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 6 x 500 μ l	1										
	4	Thang chuẩn ADN 100bp	1. Mục đích: Thang chuẩn DNA 100bp dùng trong điện di 2. Thành phần: 13 vạch có kích thước từ 100bp đến 2000bp - 500 μ L, 100 bp DNA Ladder - Cung cấp với 1ml Blue/Orange 6X Loading Dye 3. Bảo quản: -20°C đến 4 °C. 4. Hạn sử dụng: > 6 tháng	Ống 50 μ g	1										
	5	Dung dịch $MgCl_2$	1. Mục đích: Dùng trong phản ứng PCR 2. Mô tả: Thành phần $MgCl_2$ 3. Nhiệt độ bảo quản: -20 độ C, 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Lọ 25 ml	1										
	6	Kit ELISA phát hiện kháng thể IgG kháng vi khuẩn bạch hầu	1. Mục đích: Phát hiện kháng thể IgG kháng <i>C.diphtheriae</i> 2. Thành phần: thanh xét nghiệm, dung dịch pha loãng, dung dịch cộng hợp, dung dịch rửa, chứng dương, chứng âm, dung dịch dừng phản ứng 3. Điều kiện bảo quản: 4-8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 96 phân ứng	2										

Phân STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá							
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
7	Kít ELISA phát hiện kháng thể IgG kháng vi khuẩn ho gà	<p>1. Mục đích: Phát hiện kháng thể IgG kháng <i>Bordetella pertussis</i></p> <p>2. Mô tả: thành phần: thanh xét nghiệm, dung dịch pha loãng, dung dịch cộng hợp, dung dịch rửa, chứng dương, chứng âm, dung dịch dừng phản ứng</p> <p>- Chứng nhận IVD</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: 4-8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Hộp 96 phản ứng	2									
8	Thạch máu cơ bản	<p>1. Mục đích: là môi trường cơ bản để thạch máu để nuôi cấy vi khuẩn</p> <p>2. Mô tả: Môi trường dạng bột, không bị vón cục.</p> <p>3. Bảo quản: 15-25 độ C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Hộp 500g	1									
9	Que cấy 10 µl	<p>1. Mục đích: Cấy vi khuẩn</p> <p>2. Mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 đầu vòng và 1 đầu nhọn - Màu trắng - Vật liệu: nhựa Polypropylene (PP) - Kích thước: Chiều dài ≥ 195mm - Vòng lấy mẫu: 10µl - Không chứa Dnase/Rnase <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: Không áp dụng</p>	túi 10 chiếc	50									
10	Đĩa petri nhựa vô trùng 90 mm	<p>1. Mô tả: Đĩa nhựa dùng để nuôi cấy, phân lập vi khuẩn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: nhựa - Đường kính: 90 mm - Đã tiệt trùng <p>2. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>3. Hạn sử dụng: không có</p>	Thùng 500 chiếc	1									

Thông tin môi chào giá				Thông tin chào giá									
Phần STT	Tên hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (đơn kiện)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
11	Máu cừu	1. Mục đích: Dùng để môi trường thạch máu nuôi cấy vi khuẩn 2. Mô tả: Máu toàn phần của cừu, tươi mới 3. Bảo quản: 4-8 độ C 4. Hạn sử dụng: ≥3 tháng	Chai 100ml	2									
12	Kéo nhỏ	1. Mục đích: Dùng để cắt mô bệnh phẩm 2. Mô tả: kéo làm bằng kim loại, thép không gỉ 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: không áp dụng	cái	30									
13	Kẹp nhỏ	1. Mục đích: Dùng để cắt mô bệnh phẩm 2. Mô tả: kéo làm bằng kim loại, thép không gỉ 3. Bảo quản: nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: không áp dụng	cái	30									
B. Đối với nguồn vốn thực hiện các chế độ chính sách chuyển thành nhiệm vụ chi thường xuyên theo Quyết định số 1844/QĐ-BYT ngày 14/4/2023 của Bộ Y tế													
Phụ lục 7. Gói thầu số 1. Sinh phẩm, hoá chất, vật tư xét nghiệm sốt xuất huyết, gồm 23 danh mục													
1	Kit ELISA phát hiện kháng thể IgG kháng vi rút Dengue	1. Mục đích: Phát hiện kháng thể IgG kháng vi rút Dengue để chẩn đoán xác định ca bệnh 2. Thành phần: - Dung dịch pha loãng - Kháng nguyên - Chứng - Dung dịch rửa - Cộng hợp - Cơ chất TMB - Dung dịch dùng phân tích. Độ nhạy ≥98%, Độ đặc hiệu ≥99%. - Có chứng nhận IVD 3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C 4. Hạn sử dụng ≥ 06 tháng	Hộp 96 phân ứng	8									

Phân STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá							
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
2	Kit ELISA phát hiện kháng thể IgM kháng vi rút Dengue	<p>1. Mục đích: Phát hiện kháng thể IgM kháng vi rút Dengue để chẩn đoán xác định ca bệnh</p> <p>2. Thành phần: - Dung dịch pha loãng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kháng nguyên - Chứng - Dung dịch rửa - CỘNG HỢP - Cơ chất TMB <p>- Dung dịch dừng phản ứng. Độ nhạy $\geq 98\%$, Độ đặc hiệu $\geq 99\%$.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chứng nhận IVD <p>3. Điều kiện bảo quản: 2-8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng ≥ 06 tháng</p>	Hộp 96 phản ứng	8									
3	Kit tách chiết RNA 250 phản ứng	<p>1. Mục đích sử dụng: Tách chiết RNA virus từ mẫu bệnh phẩm.</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cột lọc: 250 cột - Ống hứng dịch: 750 chiếc - Đệm ly giải Buffer AVL: 5 chai x 31ml/chai - Đệm rửa Buffer AW1: 98ml - Đệm rửa Buffer AW2: 66ml - Đệm Buffer AVE: 10 ống x 2ml/ống - Carrier RNA: 5 ống x 310ug/ống <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Hộp 250 phản ứng	3									

Phần	STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá								
			Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (đầy kiện)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá	
	4	Hỗn hợp realtime RT-PCR 500 phần ứng	1. Mục đích: Bộ sinh phẩm thực hiện phản ứng Realtime RT PCR 2. Thành phần - 500 µl SuperScript III/Platinum Taq Mix - 12.5 ml đệm 2X - 2 × 1 ml Magnesium Sulfate (50 mM) - 500 µl ROX Reference Dye (25 µM) 3. Điều kiện bảo quản: -20°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Hộp 500 phần ứng	2										
	5	Dầu dò xác định vi rút dengue	1. Mục đích: Sử dụng phát huỳnh quang trong phản ứng realtime RT-PCR để xác định vi rút dengue 2. Thành phần: - Nucleotide gắn huỳnh quang - Nồng độ 30D - Trình tự: Probe Denv1: FAM-CAT GTG GYT GGG AGC RCG C-BHQ1 Probe Denv2: HEX-CTC YCC RAG AAC GGG CCT CGA CTT CAA-BHQ1 Probe Denv3: TexRd-ACC TGG ATG TCG GCT GAA GGA GCT TG-BHQ2 Probe Denv4: Cys-TYC CTA CYC CTA CGC ATC GGA-TTC CG-BHQ3 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Ông	4										

10:26:11
phuongbh.nihe_Bui Huy Phuong



Phân STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá							
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
6	Mỗi PCR xác định vi rút dengue	<p>1. Mục đích: Sử dụng cho phản ứng realtime RT- PCR để xác định vi rút dengue</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môi (nucleotide) - Chuỗi oligo nucleotid dài 20-30 nucleotid - Nồng độ 100 nmol, dạng đông khô. - Trình tự: <p>D1F: CAA AAG GAA GTC GYG CAA TA D1C: CTG AGT GAA TTC TCT CTG CTR AAC D2F: CAG GCT ATG GCA CYG TCA CGA T D2C: CCA TYT GCA GCA RCA CCA TCT C D3F: GGA CTR GAC ACA CGC ACC CA D3C: CAT GTC TCT ACC TTC TCG ACT TGY CT D4F: TTG TCC TAA TGA TGC TRG TCG D4C: TCC ACC YGA GAC TCC TTC CA</p> <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Óng	8									
7	Huyết thanh bào thai bê	<p>1. Mục đích: Nuôi cấy tế bào</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần chủ yếu là Albumin - Mức độ nội độc tố ≤ 5 EU/mL - Mức Hemoglobin ≤ 10 mg/dL . <p>3. Điều kiện bảo quản: -20°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Lọ 500mL	2									
8	Kháng sinh Pen/Strep	<p>1. Mục đích: Nuôi cấy tế bào</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10,000 I.U./mL Penicillin - 10,000 µg/mL Streptomycin <p>3. Điều kiện bảo quản: -20°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	Lọ 100ml	2									

Phần STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá					Thông tin chào giá						
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (đủ kiện)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
9	Dung dịch muối bi-carbonate	1. Mục đích: Nuôi cấy tế bào 2. Thành phần: - NaHCO ₃ - Độ tinh khiết 99.7-100% 3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	Lọ 100ml	2									
10	Ông ly tâm nắp vận 2 ml	1. Mục đích: Dụng mẫu bệnh phẩm 2. Thành phần: - Ông ly tâm nắp vận 2.0ml bằng nhựa Polypropylene, đáy tròn - Chịu lực ly tâm: 25,000 x G - Không chứa RNase/DNase và pyrogen 3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Túi 1000 chiếc	2									
11	Ông ly tâm 1,5 ml	1. Mục đích: Tách chiết RNA 2. Thành phần: - Ông Eppendorf 1,5ml bằng nhựa Polypropylene, đáy nhọn - Chịu lực ly tâm tối đa: 25,000 x G - Không chứa RNase/DNase và pyrogen 3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Túi 500 chiếc	5									
12	Dài 8 ống 0,2ml nắp phẳng	1. Mục đích sử dụng: Tube PCR 0.1ml, nắp phẳng dùng để đựng mẫu chuẩn bị cho quá trình PCR 2. Thành phần: - Dài tủy PCR thể tích 0.2 ml, - Dạng 8 ống/dây (8 tủy/1 thanh) - Tủy làm bằng nhựa Polypropylene 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Hộp 120 dài	5									

Phân STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá							
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
13	Pipet nhựa loại 5ml	<p>1. Mục đích sử dụng: Nuôi cấy</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể tích 5 ml, vạch chia nhỏ nhất: 0,05ml - Đóng gói từng cái, tiệt trùng - Chất liệu: Polypropylene <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Thùng 200 chiếc	1									
14	Pipet nhựa loại 10ml	<p>1. Mục đích sử dụng: Nuôi cấy</p> <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể tích 10 ml, vạch chia nhỏ nhất: 0,1ml - Đóng gói từng cái, tiệt trùng - Chất liệu: Polypropylene <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Thùng 200 chiếc	1									
15	Đầu côn có lọc tiệt trùng 10 μ l	<p>1. Mục đích: Dùng để hút mẫu, hóa chất trong kỹ thuật xét nghiệm</p> <p>2. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu côn làm bằng nhựa, tiệt trùng, thể tích hút tối đa 10μl - Màng lọc kỵ nước, trơ, có khả năng ngăn cản nhiễm dịch vào đầu pipet. - Không chứa Dnase/Rnase, Human DNA, pyrogenic, PCR inhibitors <p>3. Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Thùng 960 chiếc	1									

Phần	STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá								
			Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (đơn kiện)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hóa	
	16	Đầu côn có lọc tiết trũng 20µl	1. Mục đích: Dùng để hút mẫu, hóa chất trong kỹ thuật xét nghiệm 2. Thông số kỹ thuật: - Đầu côn có lọc dạng dài tiết trũng thể tích hút tối đa 20µl, - Màng lọc ky nước, trơ, có khả năng ngăn cản nhiễm dịch vào đầu pipet. - Tương thích với nhiều loại pipet - Không chứa Dnase/Rnase, Human DNA, pyrogenic, PCR inhibitors 3. Bảo quản nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Thùng 960 chiếc	1										
	17	Đầu côn có lọc tiết trũng 200µl	1. Mục đích sử dụng - Dùng cho việc hút 1 lượng mẫu nhất định các dung dịch phục vụ cho thí nghiệm với thể tích nhỏ 2. Thành phần, đặc điểm - Chất liệu: Polypropylene - Tiết trũng: Không có các thành phần: RNase, DNase Pyrogen, chất ức chế PCR - Không bán dính hóa chất khi hút - Thể tích hút tối đa 200 µl - Cờ màng lọc polyethylene 3. Bảo quản: Ở nhiệt độ phòng. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Thùng 960 chiếc	1										

phuong.nh@bui-huy-phuong.vn

Phân STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá						
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng
18	Đầu côn có lọc tiết trùng 1000µl	<p>1. Mục đích sử dụng: Dùng để hút một lượng hóa chất nhỏ, độ chính xác cao</p> <p>2. Mô tả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu côn có lọc, thể tích tối đa 1000µL, - Phù hợp với các loại pipetman thông dụng - Không chứa DNA/Dnase/Rnase/ Protease/ATP, - Không chứa độc tố gây sốt, nội độc tố - Chứng nhận ham lượng kim loại dạng vết cực thấp <p>3. Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng</p>	Thùng 960 chiếc	1								
19	Đầu côn không lọc 200ul	<p>1. Mục đích: đầu côn dùng để hút mẫu/ hóa chất</p> <p>2. Thành phần:</p> <p>Vật liệu: polypropylene, thể tích 200ul. Tương thích với nhiều loại pipet</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không chứa Dnase/RNase và pyrogen, <p>3. Bảo quản: nhiệt độ thường</p> <p>4. Hạn sử dụng: không áp dụng</p>	Túi 1000 chiếc	15								
20	Phiến 96 giếng đáy phẳng	<p>1. Mục đích: Dùng cho huyết thanh học</p> <p>2. Thành phần:</p> <p>Dạng đĩa 96 giếng</p> <p>Vật liệu: polypropylene, màu trong</p> <p>Đáy dạng phẳng</p> <ul style="list-style-type: none"> 3. Bảo quản: nhiệt độ thường 4. Hạn sử dụng: không áp dụng 	Thùng 400 phiến	2								
21	Hộp đựng mẫu 81 vị trí	<p>1. Mục đích sử dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dùng để ống đựng mẫu <p>2. Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộp đựng mẫu 9x9 (81 vị trí) - Bảng giấy Cardboard, <p>3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥12 tháng</p>	Thùng 40 hộp	3								

Phần	STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá							
			Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dư kiện)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
	22	Găng tay y tế không bột size M	1. Mục đích: Sử dụng cho các thao tác xử lý mẫu, phân ứng 2. Mô tả: Găng tay không bột, chất liệu cao su 3. Bảo quản: nơi khô mát, tránh ánh nắng và nhiệt. 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Hộp 50 đôi	25									
	23	Khẩu trang y tế	1. Mục đích: Bảo hộ cá nhân (của P3) 2. Thành phần: Đã tiệt trùng bằng khí EO, gác không dệt, màng lọc khuẩn. 3. Nhiệt độ bảo quản: Nhiệt độ phòng 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	Hộp 50 cái	10									

Phụ lục 8. Sinh phẩm, hoá chất, vật tư xét nghiệm HIV, gồm 14 danh mục, đấu thầu theo danh mục.

17:26:01
 2023/01/31
 Bui Huy Phuong

Phần STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá						
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng
1	Sinh phẩm chẩn đoán HIV1, HIV2 (HIV combi PT Elecsys cobas e 100)	<p>1. MĐSD: Xét nghiệm HIV</p> <p>2. Thông số KT:</p> <p>- Bộ thuốc thử (M, R0, R1, R2) được dán nhãn HIVCOMPT.</p> <p>- Cụ thể:</p> <p>+ M: Vi hạt phủ Streptavidin (nắp trong), 1 chai, 6.5 mL; Vi hạt phủ Streptavidin 0.72 mg/mL; chất bảo quản.</p> <p>+ R0: Đệm MES 50 mmol/L, pH 5.5; 1.5 % Nonidet P40; chất bảo quản (nắp trắng), 1 chai, 4 mL.</p> <p>+ R1: Anti-p24-, kháng nguyên tái tổ hợp đặc hiệu HIV-1/-2 (E. coli)-, peptide đặc hiệu HIV-1/-2-biotin (nắp xám), 1 chai, 7 mL; Kháng thể đơn dòng kháng p24 đánh dấu biotin (chủ yếu), kháng nguyên tái tổ hợp đặc hiệu HIV-1/-2 đánh dấu biotin (E. coli), peptide đặc hiệu HIV-1/-2 đánh dấu biotin > 1.3 mg/L; đệm TRIS 50 mmol/L, pH 7.5; chất bảo quản.</p> <p>+ R2: Anti-p24-, kháng nguyên tái tổ hợp đặc hiệu HIV-1/-2 (E. coli)-, peptide đặc hiệu HIV-1/-2-Ru(bpy)2+ 3 (nắp đen), 1 chai, 7 mL; Kháng thể đơn dòng kháng p24 (chủ yếu), kháng nguyên tái tổ hợp đặc hiệu HIV-1/-2, peptide đặc hiệu HIV-1/-2 đánh dấu phức hợp ruthenium > 1.5 mg/L; đệm TRIS 50 mmol/L, pH 7.5; chất bảo quản.</p> <p>- HIVCOMPT Cal1 Mẫu chuẩn âm tính (nắp trắng), 2 chai (đóng khô) để pha mỗi chai 1.0 mL; Huyết thanh người, không phản ứng với kháng thể kháng HIV-1 và kháng thể kháng HIV-2.</p> <p>- HIVCOMPT Cal2 Mẫu chuẩn dương tính (nắp đen), 2 chai (đóng khô) để pha mỗi chai 1.0 mL; Huyết thanh người dương tính với kháng thể kháng HIV-1 (bất hoạt) trong huyết thanh người âm tính với kháng thể kháng HIV-1 và kháng thể kháng HIV-2.</p> <p>3. Bảo quản: 2-8oC</p> <p>4. HSD: trên 6tháng</p>	100 test/ hộp	3								

Phần	STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá								
			Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dư kiện)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá	
	2	Chứng cho sinh phẩm chẩn đoán	1. Mục đích sử dụng: Mẫu chứng sinh phẩm xét nghiệm HIV 2. Thông số kỹ thuật: - Bao gồm PC HIV1, HIV2, chứng kháng nguyên p24 và chứng âm tính 3. Bảo quản : 2oC - 8oC 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	2ml/ lọ x 6 lọ/ hộp	1										
	3	Sinh phẩm chẩn đoán invitro phát hiện sớm giai đoạn chuyển đổi huyết thanh với HIV tuýp1 (HIV1, HIV 1 nhóm O) và phát hiện kháng thể kháng HIV2	1. Mục đích sử dụng: Xét nghiệm HIV 2. Thông số kỹ thuật: - Kỹ thuật elisa - Có độ nhạy 100%, độ đặc hiệu 99.78% - Phát hiện cả kháng thể IgG, IgM, IgA của các typ HIV và kháng nguyên P24 - Phát hiện cả HIV1 và HIV 2 - Thích hợp rửa trên máy rửa tự động 3. Bảo quản : nhiệt độ thường (2oC - 8oC) 4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng	96 test/ hộp	3										

phuongbh.nihe_Bui Huy Phuong_13/10/2023

Phân STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá						
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng
4	Sinh phẩm chẩn đoán in vitro phát hiện nhanh HIV, HIV 2	<p>1. Mục đích sử dụng: Xét nghiệm HIV</p> <p>2. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật xét nghiệm nhanh - Có độ nhạy 100% và độ đặc hiệu $\geq 99\%$, - Phát hiện được cả HIV 1 và HIV 2, - Nhận biết kết quả rõ ràng bằng mắt thường. Cho kết quả nhanh 10- 20 phút, - Có khả năng kiểm tra chất lượng của kit trong mỗi xét nghiệm - Kỹ thuật thao tác đơn giản, không yêu cầu máy móc trang thiết bị hiện đại <p>3. Bảo quản : nhiệt độ thường (20C - 30oC)</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	30 test/ hộp	2								
5	Kit thử phát hiện nhanh HIV	<p>1. Mục đích sử dụng: Xét nghiệm HIV</p> <p>2. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật xét nghiệm nhanh - Độ nhạy và độ đặc hiệu cao $>99\%$ - Phát hiện cả HIV 1 và HIV 2 - Nhận biết kết quả rõ ràng bằng mắt thường. Cho kết quả nhanh, độ ổn định của kết quả đạt 15-20 phút - Có khả năng kiểm tra chất lượng của kit trong mỗi xét nghiệm , - Kỹ thuật thao tác đơn giản, không yêu cầu máy móc trang thiết bị hiện đại <p>3. Bảo quản : nhiệt độ thường (20C - 30oC)</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 6 tháng</p>	40 test/ hộp	2								
6	Giăng tay có bột tan	<p>1. Mục đích sử dụng: dùng làm thí nghiệm</p> <p>2. Mô tả: Giăng tay y tế dùng một lần, có bột, màu trắng, size S, M</p> <p>3. Nhiệt độ bảo quản: nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng.</p>	Thùng 10 hộp	1								

		Thông tin mời chào giá					Thông tin chào giá							
Phần	STT	Tên hàng hóa	Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (đầy kiện)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
	7	Khẩu trang	1. Mục đích sử dụng: sử dụng bảo hộ trong khi thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm 2. Thông số kỹ thuật: - Khẩu trang 3 lớp 3. Nhiệt độ bảo quản: nhiệt độ thường (20oC - 25oC) 4. Hạn sử dụng: ≥ 24 tháng	50 chiếc / túi	6									
	8	Ống lưu mẫu 2ml	1. Mục đích sử dụng: Ống đựng mẫu 2ml 2. Thông số kỹ thuật: - Ống lưu mẫu cryotube thể tích chứa mẫu 2ml. - Ống làm từ nhựa PP, Nắp có vòng O-ring đảm bảo độ kín trong quá trình vận chuyển. Nắp xoay ngoài, có gioăng cao su, tiết trùng, - Ống có vùng ghi mã số, có vạch chia thể tích rõ ràng 3. Nhiệt độ bảo quản: nhiệt độ thường (20oC - 25oC) 4. Hạn sử dụng: không có hạn sử dụng	250 chiếc / túi	2									
	9	Kit xét nghiệm chẩn đoán sớm EID HIV	1. Mô tả: - Hóa chất invitro sử dụng để định lượng vi rút gây suy giảm miễn dịch ở người tít 1 (HIV-1) trong mẫu bệnh phẩm của bệnh nhân bao gồm cả mẫu huyết tương chống đông bằng EDTA và từ mẫu huyết tương khô (PSC) và định tính để phát hiện HIV-1 trong mẫu giọt máu khô (DBS) - Sử dụng trong hệ thống Real-Time PCR hoàn toàn tự động. Đạt tiêu chuẩn CE-IVD 2. Quy cách đóng gói: 120 kit/Hộp Một kit định lượng bao gồm: - 10 bộ HIV-1 MMX R2 dung tích 0.5 mL/bộ - 10 bộ MMX R1 dung tích 1.75 mL/bộ - 10 bộ RNA QS dung tích 1.75 mL/bộ 3. Điều kiện bảo quản: 2°C - 8°C 4. Hạn sử dụng: ≥ 03 tháng kể từ khi nhận hàng. 5. Có trong danh mục các mặt hàng được Bộ Y tế cho phép nhập khẩu vào Việt Nam	Hộp 120 test	1									

Phân STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá				Thông tin chào giá							
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
10	Chứng sinh phẩm chuẩn đoán sớm EID HIV	<p>1. Mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ mẫu chứng cho HBV/HCV/HIV-1 - Đạt tiêu chuẩn CE- IVD - Sử dụng được trong hệ thống Real-Time PCR hoàn toàn tự động <p>2. Quy cách đóng gói: 10 bộ/Hộp</p> <p>Thành phần một bộ mẫu chứng bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10 mẫu chứng Âm cho HBV/HCV/HIV-1 dung tích 0.75 mL/mẫu - 10 mẫu chứng Dương thấp cho HBV/HCV/HIV-1 dung tích 0.75 mL/mẫu - 10 mẫu chứng dương cao cho HBV/HCV/HIV-1 dung tích 0.75 mL/mẫu <p>3. Điều kiện bảo quản: 2°C - 8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 03 tháng kể từ khi nhận hàng</p>	Hộp 10 bộ	1									
11	Bộ kit chuẩn bị mẫu cho xét nghiệm chẩn đoán sớm EID HIV	<p>1. Mô tả :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kit chuẩn bị mẫu sử dụng được cho mẽ chạy 96 phản ứng <p>2. Đạt tiêu chuẩn CE-IVD</p> <p>3. Quy cách đóng gói : 240 phản ứng/Hộp</p> <p>Thành phần một bộ kit chuẩn bị mẫu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 10 lọ chứa hạt thủy tinh từ tính, đệm Tris, 0.1% methyl-4 hydroxybenzoate, < 0.1% natri azide - dung tích 8 mL/lọ - 10 lọ chứa đệm Tris, 0.2% methyl-4 hydroxybenzoate - dung tích 17 mL/lọ <p>3. Điều kiện bảo quản: 2°C - 8°C</p> <p>4. Hạn sử dụng: ≥ 03 tháng kể từ khi nhận hàng</p>	Hộp 240 tests	1									
12	Đầu côn có lọc 10ul	<p>1. Mục đích sử dụng: Dùng hút mẫu</p> <p>2. Thành phần: Đầu côn nhựa 10µl có lọc. 3. Bảo quản: Nhiệt độ phòng</p> <p>4. Hạn sử dụng: không áp dụng</p>	Thùng	1									

Phần STT	Tên hàng hóa	Thông tin mời chào giá					Thông tin chào giá						
		Cấu hình tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính/Quy cách đóng gói (dự kiến)	Số lượng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói/Đơn vị tính	Mã hàng (code)	Số lượng chào	Đơn giá	Thành tiền	Hạn sử dụng tại thời điểm giao hàng	Mã HS của hàng hoá
13	Giấy thấm	1. Mục đích sử dụng: vệ sinh trong quá trình làm xét nghiệm 2. Thông số kỹ thuật: Giấy lau 3. Bảo quản: nhiệt độ thường (20oC - 25oC) 4. Hạn sử dụng: không áp dụng	Túi	14									
14	Còn y tế 70°	1. Mục đích sử dụng: dùng để khử khuẩn trong quá trình làm xét nghiệm 2. Thông số kỹ thuật: Còn 70% 3. Bảo quản: nhiệt độ thường 4. Hạn sử dụng: ≥ 12 tháng	500ml/ chai	5									

Ghi chú:

1. Giá báo trên đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển, giao hàng theo và toàn bộ các chi phí, lệ phí liên quan để cung cấp hàng hoá.
2. Các điều khoản: Hàng hoá mới 100%, Thời gian giao hàng....., phương thức thanh toán....
3. Hiệu lực của báo giá: trong vòng ngày kể từ ngày ký (ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày)
4. Chúng tôi cam kết không trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể, hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Giá trị của hàng hóa là phù hợp, không vi phạm pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá. Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY

(Ký tên, đóng dấu)



10:27:11 Bui Huy Phuong 13/10/2023 01/c1_giang